



CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

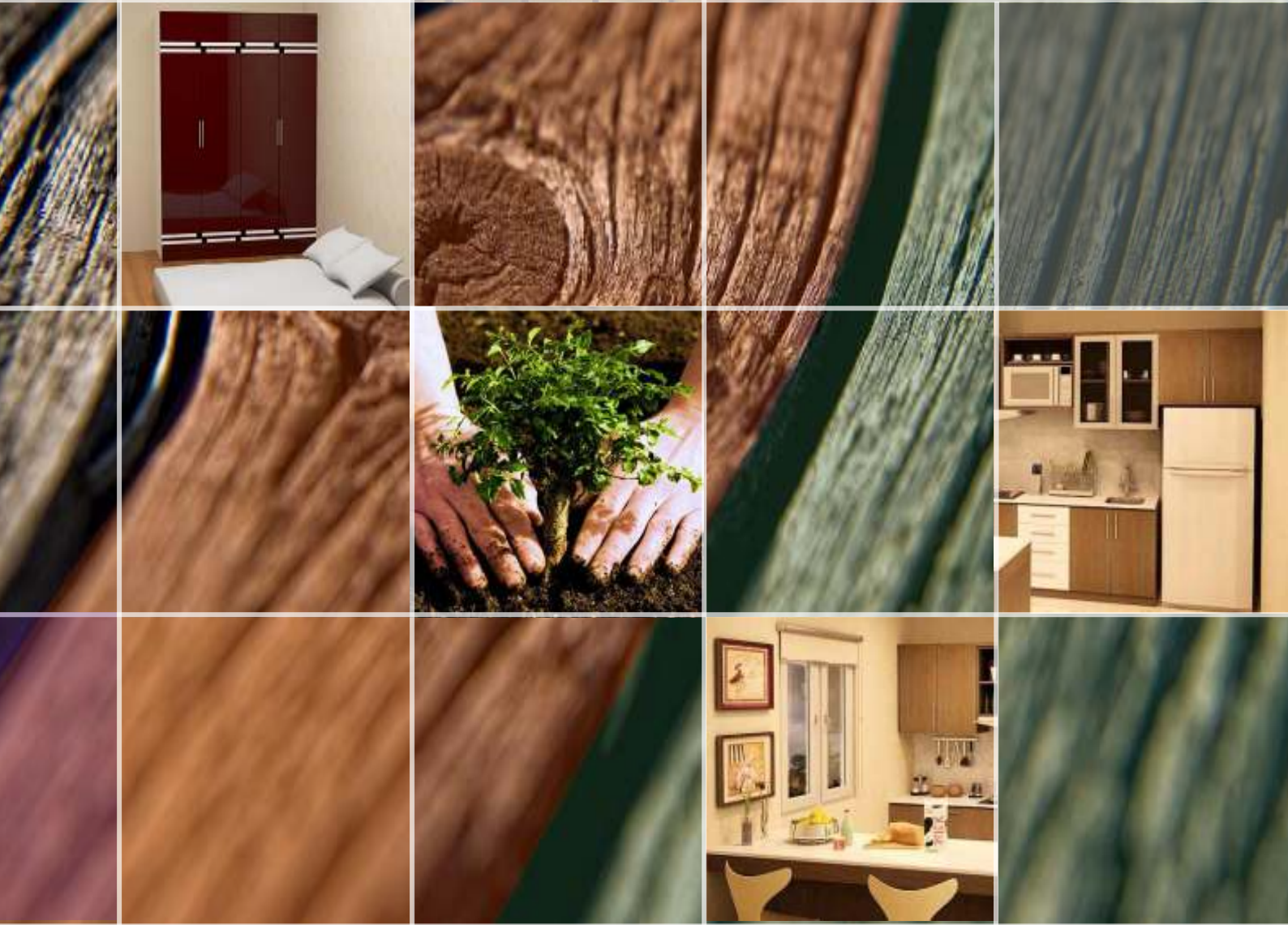
Website: www.savimex.com

Tel: (08)38292806 – (08)39142664

Fax: (08)38299642

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2013



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ
VÀ XNK SAVIMEX**





Nội dung

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN SAVIMEX 2013

I. Thông tin chung	4
1. Thông tin khái quát	5
2. Quá trình hình thành và phát triển	6
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
4. Thông tin mô hình quản trị	12
5. Định hướng phát triển	16
6. Các rủi ro	18
II. Tình hình hoạt động trong năm	20
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	21
2. Tổ chức và nhân sự	24
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	28
4. Tình hình tài chính	29
5. Thông tin cổ đông	33
III. Báo cáo ban giám đốc	36
1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	37
2. Tình hình tài chính	40
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý	42
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014	44
5. Giải trình ý kiến loại trừ của kiểm toán	50
IV. Báo cáo hội đồng quản trị	52
1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty	53
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc	55
3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị	55
V. Quản trị công ty	56
1. Hội đồng Quản trị	57
2. Ban Kiểm soát	62
3. Thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS	65
VI. Báo cáo tài chính	66
1. Ý kiến kiểm toán	67
2. Báo cáo tài chính kiểm toán	68

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu SAVIMEX
Tên viết tắt	SAVIMEX
Giấy CNĐKDN số	0302317892
Vốn điều lệ	99.634.500.000 VNĐ <i>Chín mươi chín tỷ sáu trăm ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.634.500.000 VNĐ <i>Chín mươi chín tỷ sáu trăm ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng</i>
Trụ sở chính	194 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại	(08)38292806 – (08)39142664
Số fax	(08)38299642
Website	www.savimex.com
Email	info@savimex.com
Mã cổ phiếu	SAV





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1985



1986

Công ty Savimex được thành lập ngày 29/8/1985 với tên gọi là công ty hợp tác kinh tế và xuất nhập khẩu với Lào (Sai Gon – Vientianne import export company, viết tắt là Savimex), khởi nghiệp bằng các hoạt động hợp tác với Lào để khai thác gỗ, nhựa thông xuất khẩu và cung cấp các hàng công nghiệp tiêu dùng ở Việt Nam sang Lào.

1987



1990

Mở rộng hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp sang các quốc gia: Liên Xô, Nhật Bản, Singapore, Hồng Kông, Đài Loan... Sản phẩm xuất khẩu chính gồm: ván sàn, gỗ tròn, gỗ xẻ và hàng nông hải sản. Hàng nhập khẩu gồm: hóa chất, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị...

1991

Nhà máy Satimex đã chế biến thành công ván ghép từ cây cao su để xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

1992

Hợp tác với công ty Japan Nippon Furniture (JNF), tiếp nhận dây chuyền sản xuất đồ gỗ tinh chế xuất sang Nhật Bản.

1993

Thành lập nhà máy Savi-Kỹ nghệ gỗ (Saviwoodtech) hợp tác với công ty Marunaka, đầu tư máy móc đưa công nghệ tạo dáng tự động CNC, mở rộng thị phần xuất khẩu đồ mộc tinh chế sang Nhật Bản.

Thành lập Trung tâm xây dựng & trang trí nội thất để thực hiện các công trình trang trí nội thất, trang bị đồ gỗ cho nhà hàng, khách sạn, cao ốc, văn phòng...

1994

Đổi tên thành Công ty Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex; tên giao dịch quốc tế là Savimex Corporation, gọi tắt là Savimex.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995

Tách Trung tâm xây dựng & Trang trí nội thất thành Trung tâm xây dựng & kinh doanh nhà và Xí nghiệp trang trí nội thất.

1997



1999

Triển khai xây dựng hệ thống công nghệ sản xuất sản phẩm gỗ nội thất với hệ thống máy móc thiết bị cơ điện tử, trang bị hệ thống công nghệ vận hành tự động theo lập trình kỹ thuật số CNC.

2000

Đầu tư dây chuyền sơn tĩnh điện với thiết bị phun sơn tự động có hệ thống sấy bằng tia cực tím (UV).

2001

Chuyển thành Công ty Cổ phần Savimex.

2002

Nhà máy SATIMEX là Nhà máy chế biến gỗ đầu tiên của Việt Nam nhận chứng chỉ hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ISO-14001.
09/05/2002: Niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán.
Mã cổ phiếu: SAV

2003

Đầu tư thêm một dây chuyền công nghiệp chế biến gỗ hoàn chỉnh từ công đoạn tạo dáng đến khâu sơn (công nghệ sơn Enamel đạt độ bóng 100%) để sản xuất hàng xuất khẩu sang thị trường Mỹ.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2004

Đầu tư thêm một nhà xưởng mới với dây chuyền chế biến gỗ hoàn chỉnh hiện đại nhập từ Nhật để sản xuất sản phẩm xuất khẩu cho thị trường Mỹ, EU và đồ gỗ trong nước. Hiện đại hoá công nghệ quản lý với phần mềm Oracle E-Business Suite (Special Edition). Sản phẩm đồ gỗ nội thất của Công ty đã được chọn vào nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực của TP.HCM.

2007

Đầu tư thành lập xí nghiệp sản xuất Bao bì Carton (SaviPack) với dây chuyền máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đài Loan.

2008

Đầu tư thành lập Công ty Liên doanh chế biến gỗ Champa- Savi tại Champasak, Lào.

2012

Tập trung đầu tư cho Nhà máy tinh chế đồ gỗ xuất khẩu Satimex và Xí nghiệp sản xuất bao bì Savipack.

2013

Triển khai kế hoạch thay mới máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, lao động, nguyên vật liệu...phù hợp với lộ trình đầu tư thay thế máy móc thiết bị giai đoạn 2012 – 2015.





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Những thành tích đã đạt được

Các danh hiệu đạt được

- **Năm 1998:** Bằng khen của Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam do thành tích công tác từ năm 1995-1997.
- **Năm 2000:** Huân chương lao động hạng 3 do thành tích xuất sắc từ năm 1995 – 1999.
- **Năm 2004:** Danh hiệu hàng Việt nam chất lượng cao
- **Năm 2005:**
 - Huân chương lao động hạng 2 do thành tích xuất sắc từ năm 2000-2004.
 - UBND TP.HCM cấp GCN sản phẩm đồ gỗ trang trí nội thất Savimex là sản phẩm công nghiệp chủ lực của TP.HCM.
 - Bằng khen của Thứ trưởng Bộ Y tế nước CH DCND Lào về các hoạt động từ thiện tại Lào.
 - Thương hiệu mạnh Việt Nam
- **Năm 2006:**
 - Bằng khen của Thủ tướng nước CH DCND Lào về các hoạt động từ thiện tại Lào.
 - Thương hiệu mạnh Việt Nam
 - Hàng Việt Nam chất lượng cao
 - Sản phẩm Việt uy tín, chất lượng
- **Năm 2007:**
 - Bằng khen của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cho tập thể cán bộ nữ công ty do đạt thành tích “Phụ nữ tài năng toàn quốc thời kỳ đổi mới”.
 - Thương hiệu mạnh Việt Nam
 - Hàng Việt Nam chất lượng cao
 - Danh hiệu 500 doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam
- **Năm 2010:**
 - Bằng khen của UBND TP.HCM do thành tích xuất sắc trong công tác SXKD từ năm 2000-2010.
 - Bằng khen của UBND TP.HCM do thành tích xuất sắc trong SXKD từ đồ gỗ và hàng thủ công mỹ nghệ nhiều năm liền từ năm 2000-2010.
 - Bằng khen của UBND TP.HCM do thành tích trong phong trào thi đua của Thành phố.
- **Năm 2012:** Công nhận thương hiệu sản phẩm tham gia chương trình “Thương hiệu quốc gia”.

Các chứng chỉ đạt được

- Nhà máy tinh chế đồ gỗ xuất khẩu Satimex: ISO 9001 và ISO 14001
- Nhà máy Savi Kỹ nghệ gỗ Saviwoodtech: ISO 9001
- Xí nghiệp Trang trí nội thất Savidecor: ISO 9001
- Văn phòng công ty: ISO 9001
- TTXD và Kinh doanh địa ốc Savihomes: ISO 9001
- Năm 2012: Nhà máy Satimex được tổ chức SGS (Thụy Sĩ) cấp chứng nhận hệ thống trách nhiệm xã hội: SA 8000:2008

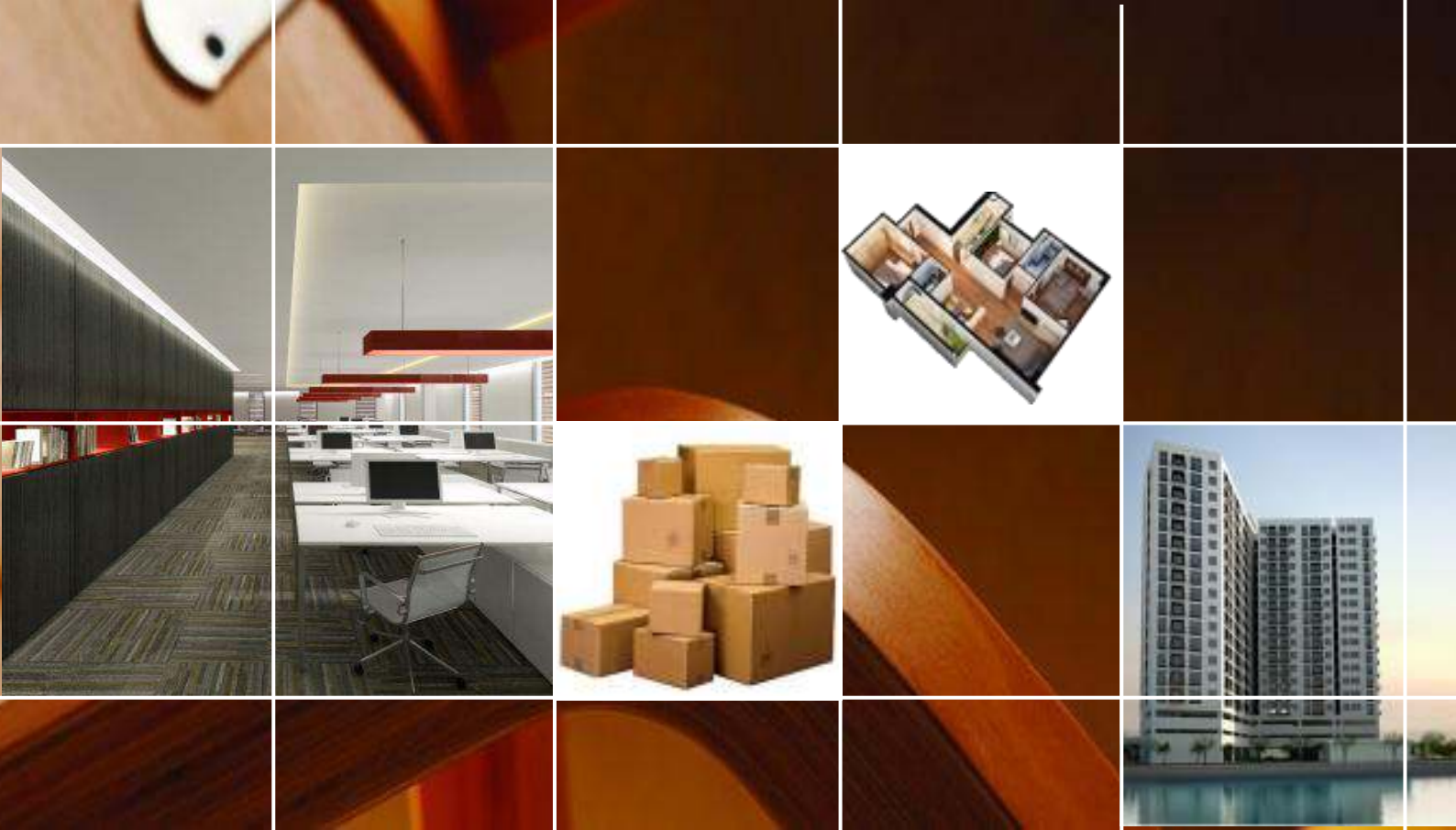




NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh nội địa và xuất khẩu: Sản xuất đồ gỗ, hàng mộc gia dụng, đồ gỗ trang trí nội thất, nông lâm đặc sản, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Các hoạt động thương mại bao gồm: xuất nhập khẩu, mua bán, trao đổi hàng hoá máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu, phụ liệu, phụ kiện, vật tư, thành phẩm, bán thành phẩm trong ngành chế biến gỗ, xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất và kinh doanh bao bì giấy Carton;
- Đầu tư, thi công và trang trí nội ngoại thất, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đô thị, khu công nghiệp, lâm nghiệp, khu dân cư;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh địa ốc và cho thuê văn phòng.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thị trường xuất khẩu

- Thị trường chủ yếu: Nhật Bản
- Thị trường khác: Mỹ, EU

Thị trường nội địa

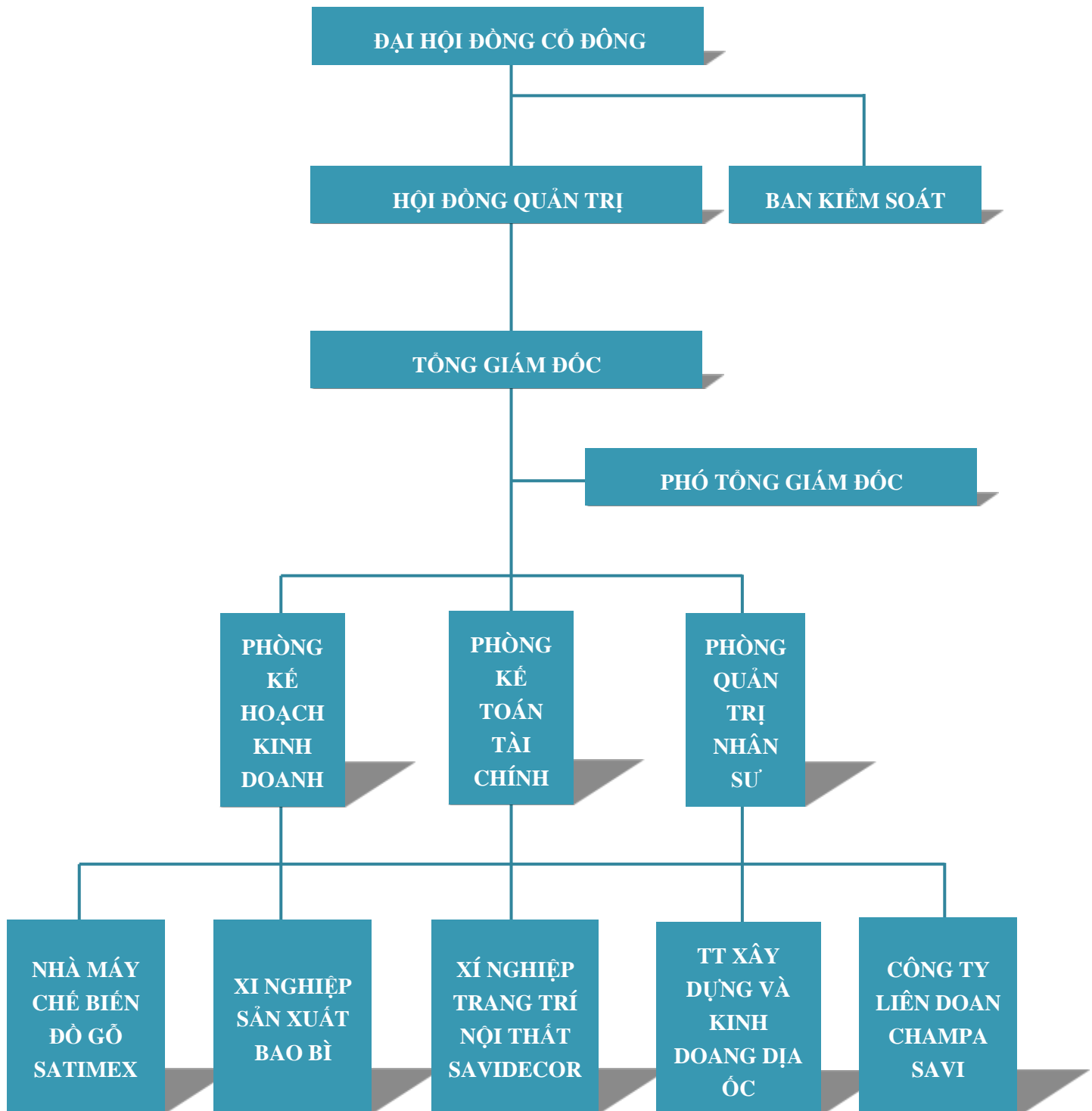
Phần lớn tập trung tại các thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nha Trang, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đaknông.





BỘ MÁY QUẢN LÝ

Sơ đồ tổ chức





BỘ MÁY QUẢN LÝ

Các công ty con, công ty liên kết

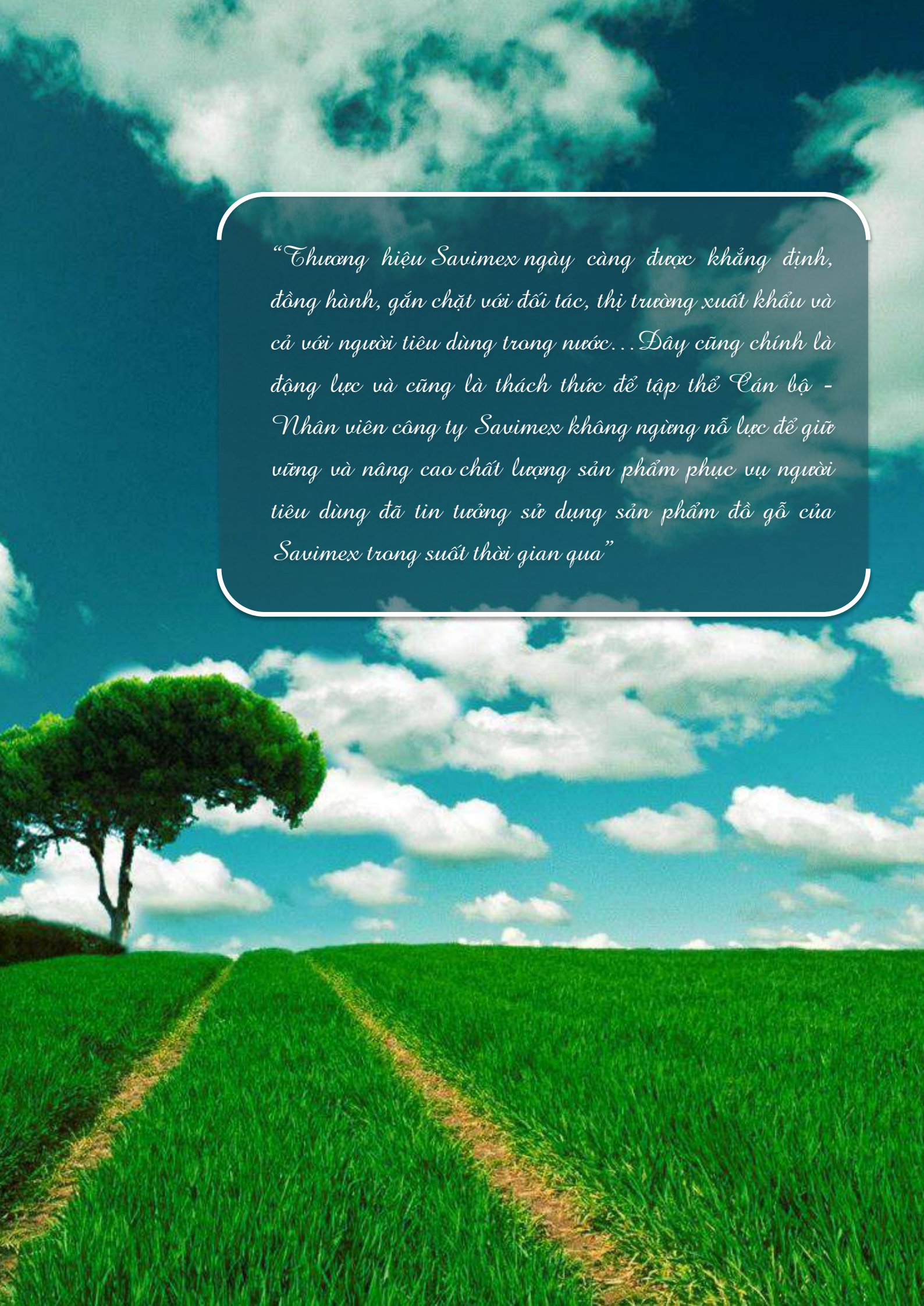
Công ty Liên Doanh Champa-Savi

- Địa chỉ: Cây số thứ 12 Quốc lộ 13 phía Nam, xã Houiset, Huyện Bachieng, Tỉnh Chanpasak, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào
- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất đồ gỗ nội ngoại thất
- Vốn đầu tư của dự án: 2.020.408 USD
- Vốn góp của Savimex: 990.000 USD
- Tỷ lệ vốn góp: 49%





Savimex luôn đổi mới để phát triển

A vibrant landscape featuring a lush green field in the foreground, a single tree on the left, and a bright blue sky with scattered white clouds. A semi-transparent white box with rounded corners is centered in the upper half of the image, containing a quote in Vietnamese.

“Thương hiệu Savimex ngày càng được khẳng định, đồng hành, gắn chặt với đối tác, thị trường xuất khẩu và cả với người tiêu dùng trong nước... Đây cũng chính là động lực và cũng là thách thức để tập thể Cán bộ - Nhân viên công ty Savimex không ngừng nỗ lực để giữ vững và nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ người tiêu dùng đã tin tưởng sử dụng sản phẩm đồ gỗ của Savimex trong suốt thời gian qua”



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Không ngừng phát triển và mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, xuất nhập khẩu, nhằm đem lại lợi nhuận tối đa cho công ty và cổ đông.
- Cải thiện điều kiện làm việc, thu nhập và đời sống cho người lao động trong công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược đầu tư máy móc thiết bị năm 2013 – 2015:

Đối với đặc trưng của doanh nghiệp sản xuất thì các tài sản cố định trong đó phần lớn là máy móc trang thiết bị, nhận thức được điều này, Savimex đã đưa chiến lược về đầu tư máy móc trang thiết bị lên thành một trong những chiến lược phát triển trung và dài hạn quan trọng của Công ty. Cụ thể, trong giai đoạn từ 2013-2015, Savimex dự kiến đầu tư mới máy móc thiết bị với tổng giá trị lên đến 50-60 tỷ đồng. Khoản đầu tư này sẽ mang đến cho Công ty những lợi ích và cơ hội sau:

- Mở ra cơ hội cho Savimex tự chủ kinh doanh trong việc lựa chọn dòng sản phẩm thế mạnh và lựa chọn khách hàng
- Mở rộng khách hàng mới cho các dòng sản phẩm truyền thống
- Cân đối năng lực sản xuất rải đều các tháng trong năm, đạt mục tiêu tăng trưởng doanh số ở mức 10-15% mỗi năm

Chiến lược đối với thị trường xuất khẩu

- Củng cố và mở rộng mối quan hệ với khách hàng nước ngoài, đặc biệt là các khách hàng Nhật. Trên cơ sở đó, tập trung đầu tư nâng cao năng lực sản xuất đối với các dòng hàng xuất khẩu sang Nhật.
- Công tác đầu tư tập trung cho sản xuất hàng loạt nhằm tối ưu hóa các chi phí sản xuất, để nâng cao năng lực sản xuất và năng lực cạnh tranh; bên cạnh đó đẩy mạnh công tác đào tạo thường xuyên đối với công nhân trực tiếp sản xuất, quy hoạch và đào tạo chuyên sâu cán bộ quản lý.
- Về lâu dài, khối sản xuất - xuất khẩu sẽ được di dời vào khu công nghiệp tập trung, đồng thời xây dựng phương án kinh doanh hiệu quả các khu đất của công ty.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Chiến lược đối với thị trường nội địa

Nằm trong kế hoạch phát triển chung của công ty, Savimex sẽ xây dựng cụm sản xuất nội địa tại KCN Nhì Xuân, xí nghiệp bao bì Savipack và xí nghiệp trang trí nội thất SaviDecor

- Xí nghiệp bao bì vừa cung ứng sản phẩm bao bì cho nhà máy Satimex vừa kinh doanh ra bên ngoài, xu hướng đẩy mạnh tỷ trọng doanh thu ra bên ngoài, tập trung vào một số khách hàng chủ lực như Scancom, JNF, bao bì Thanh Long ...
- Xí nghiệp trang trí nội thất sẽ được củng cố toàn diện từ bộ máy quản lý, cơ cấu tổ chức, năng lực sản xuất, hệ thống phân phối nhằm phát triển thị trường đồ gỗ trong nước, khẳng định vị thế và thương hiệu Savimex tại thị trường nội địa.

Trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty đã thực hiện

- Phát triển hệ thống trách nhiệm xã hội SA-8000.
- Xây dựng nhà lưu trú cho công nhân
- Đóng góp cho công tác từ thiện (chương trình mỗ tim cho em, xây dựng nhà tình nghĩa, góp quỹ chất độc da cam)
- Đóng góp cho quỹ biển đảo quê hương (hưởng ứng chương trình sản xuất "SATRA - SAVIMEX vì Trường Sa thân yêu").

"Savimex cam kết duy trì và không ngừng nâng cao các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội, trách nhiệm đối với cộng đồng"



Rủi ro kinh tế

Bức tranh chung của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2013 có những dấu hiệu khả quan, ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện được mục tiêu từ kiểm chế lạm phát chuyển sang chủ động kiểm soát lạm phát, chỉ số tiêu dùng tăng thấp và bảo đảm an sinh xã hội. Cụ thể là tăng trưởng GDP năm 2013 đạt 5,42%, cao hơn so với mức 5,25% của năm 2012; CPI cả năm tăng 6,04% - là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá cả nước đạt 264,26 tỷ USD, tăng 15,7% so với năm 2012, trong đó: xuất khẩu đạt 132,135 tỷ USD, tăng 15,4% và nhập khẩu đạt 132,125 tỷ USD, tăng 16,1%. Cán cân thương mại hàng hoá khá cân bằng trong năm 2013. Tuy nhiên, nền kinh tế luôn tiềm tàng những nguy cơ bất ổn đòi hỏi các doanh nghiệp phải có biện pháp phòng ngừa và ứng phó kịp thời.

Đối với công ty, khó khăn thách thức của nền kinh tế trong nước thể hiện rõ nhất là chi phí đầu vào như điện, nước, xăng, dầu, chi phí lao động... liên tục tăng giá khiến chi phí sản xuất tăng cao. Ngoài ra, thị trường bất động sản năm 2013 vẫn còn suy yếu gây ảnh hưởng xấu đến mọi lĩnh vực hoạt động của công ty.

Không chỉ bị tác động bởi tình hình kinh tế trong nước, Savimex còn chịu ảnh hưởng rất lớn bởi những biến động kinh tế toàn cầu, đặc biệt là 3 thị trường xuất khẩu chính: Mỹ, Nhật và EU do công ty có nguồn doanh thu chủ yếu từ hoạt động xuất khẩu các sản phẩm gỗ. Nhìn chung, suy thoái kinh tế kéo dài hiện là sự bất an của tất cả các doanh nghiệp ngành chế biến gỗ.



RỦI RO



Rủi ro pháp lý

Môi trường pháp lý đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Savimex hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, bên cạnh đó còn là doanh nghiệp lấy hoạt động xuất khẩu làm chủ lực, do đó công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Xuất Nhập khẩu, Luật thương mại Quốc tế...các Nghị định, thông tư và các văn bản luật pháp liên quan khác. Ngoài ra, khi tham gia xuất khẩu hàng hóa sang thị trường nước ngoài, công ty bị ảnh hưởng bởi các chính sách bảo hộ ngành công nghiệp và những yêu cầu pháp lý mang tính chất thủ tục khắt khe của các nước sở tại. Vào tháng 03/2013, khi đạo luật FLEGT của EU về tính hợp pháp của gỗ có hiệu lực, công ty phải bổ sung vào danh sách các chứng chỉ xuất khẩu của mình các hồ sơ chứng từ tương ứng. Vì vậy, công ty luôn phải chủ động nghiên cứu và cập nhật kịp thời các qui định pháp lý hiện hành để vận dụng phù hợp, giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh.

Rủi ro đặc thù ngành

Nguyên liệu chính phục vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu là ván gỗ và một số vật liệu khác. Nhằm đáp ứng các yêu cầu về hàng hóa nhập khẩu của Châu Âu, Mỹ,..., công ty luôn phải đảm bảo nguyên liệu đầu vào có chất lượng tốt. Vì vậy, mọi biến động trong giá cả nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là nguyên liệu có chất lượng đạt yêu cầu sẽ có tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty

Rủi ro tài chính

Savimex chịu rủi ro do biến động tỷ giá và rủi ro lãi suất. Hơn 70% doanh thu thuần của Savimex đến từ hoạt động xuất khẩu các sản phẩm gỗ, nên mọi diễn biến theo hướng tích cực và tiêu cực của tỷ giá ngoại tệ luôn có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, diễn biến tỷ giá trong năm 2013 không có nhiều biến động, do đó hoạt động kinh doanh của Savimex năm vừa qua không bị tác động đáng kể bởi rủi ro này.

Mặc dù lãi suất giảm trong năm 2013 là tín hiệu vô cùng đáng mừng của nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp sản phẩm gỗ nói riêng, nhưng không phải tất cả các doanh nghiệp đều đáp ứng đủ yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, công ty vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay.

Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản. Vì vậy, để giảm thiểu những rủi ro này, công ty luôn chú trọng đến công tác phòng cháy chữa cháy, bảo hiểm mọi rủi ro về người và tài sản.





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	% tăng/giảm so với 2012	Kế hoạch 2013	% Thực hiện so với kế hoạch 2013
Tổng doanh thu	Triệu đồng	555.937	558.039	0,38%	725.834	76,88%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	547.992	551.293	0,60%		
Tổng chi phí	Triệu đồng	546.045	552.210	1,13%	682.450	80,92%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	8.151	3.889	-52,28%		
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.741	1.940	11,39%		
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.893	5.829	-41,08%	43.384	13,44%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.205	4.162	-42,24%	32.538	12,79%
Lãi cơ bản trên CP	Đồng	753	435	-42,23%		

Tổng doanh thu của công ty năm 2013 đạt 558,04 tỷ đồng, chỉ tăng 0,38% so với cùng kỳ, đạt 76,88% kế hoạch đề ra. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2013 đạt 551,3 tỷ đồng, tăng 0,6% so với năm 2012. Doanh thu của công ty trong năm không có nhiều biến động so với cùng kỳ chủ yếu là do tác động từ tình hình kinh tế vĩ mô. Cụ thể, trong năm 2013 thị trường bất động sản đóng băng kéo dài cùng với xu hướng thắt chặt chi tiêu của nền kinh tế khiến các hoạt động bán lẻ, công trình trang trí nội thất và kinh doanh bất động sản của công ty đều gặp khó khăn.

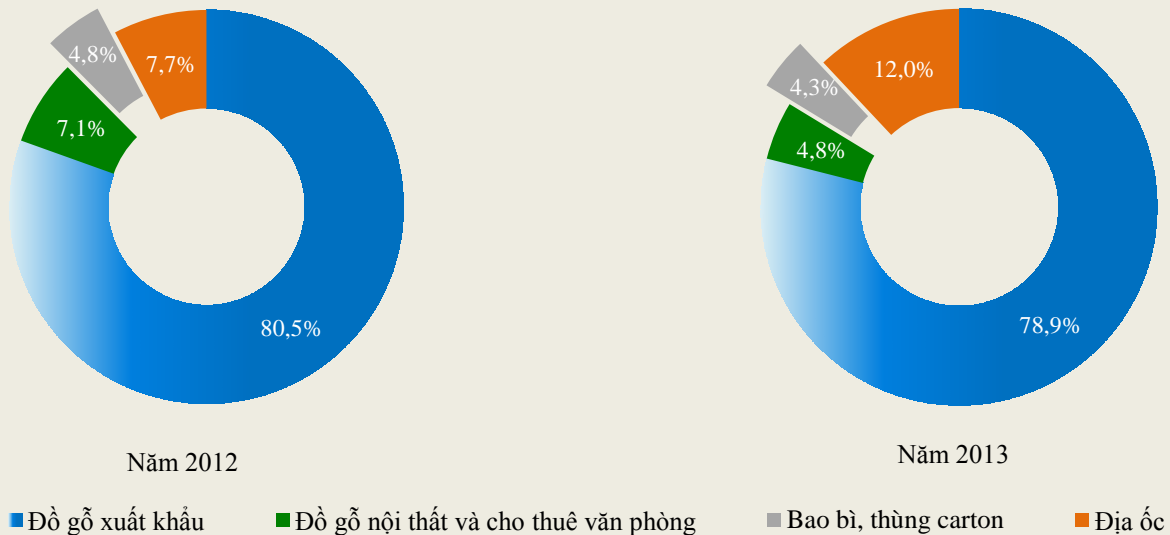
Trong khi đó, tổng chi phí sản xuất năm 2013 tăng 1,13%, tương đương 552 tỷ đồng. Trong đó, giá vốn hàng bán tăng 2,83% so với cùng kỳ, tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần ở mức 89,5%. Chi phí tăng cao do chi phí phát sinh thêm từ các dự án kinh doanh bất động sản trước đây của công ty; chi phí lao động tăng theo lương cơ bản.

So với mức tăng trưởng không đáng kể của doanh thu, tốc độ tăng trưởng của chi phí có ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và khả năng hoàn thành kế hoạch của công ty. Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 giảm hơn một nửa so với năm 2012, kéo theo sự sụt giảm 42,24% của lợi nhuận sau thuế năm 2013.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN PHẨM



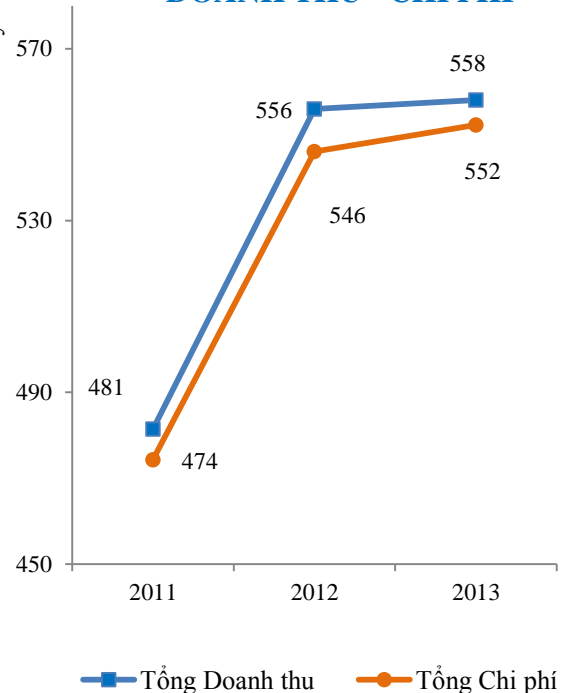
Đồ gỗ xuất khẩu vẫn là sản phẩm chủ lực của công ty, đóng góp 78,9% vào cơ cấu doanh thu thuần giảm 1,68% so với năm 2012.

Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu doanh thu của công ty là hoạt động kinh doanh địa ốc. Trong năm công ty đã tiến hành bàn giao một số dự án và đi vào giai đoạn thu tiền. Vì vậy, doanh thu của công ty ở mảng này gia tăng đáng kể, chiếm tỷ trọng 12% trên doanh thu cả năm của công ty.

Doanh thu từ sản xuất bao bì và thùng carton năm 2013 chiếm tỷ trọng 4,3% doanh thu thuần giảm tương đối so với tỷ trọng 4,8% doanh thu thuần năm 2012. Nguyên nhân đến từ số lượng đơn hàng trong năm sụt giảm, do ảnh hưởng chung của ngành chế biến gỗ.

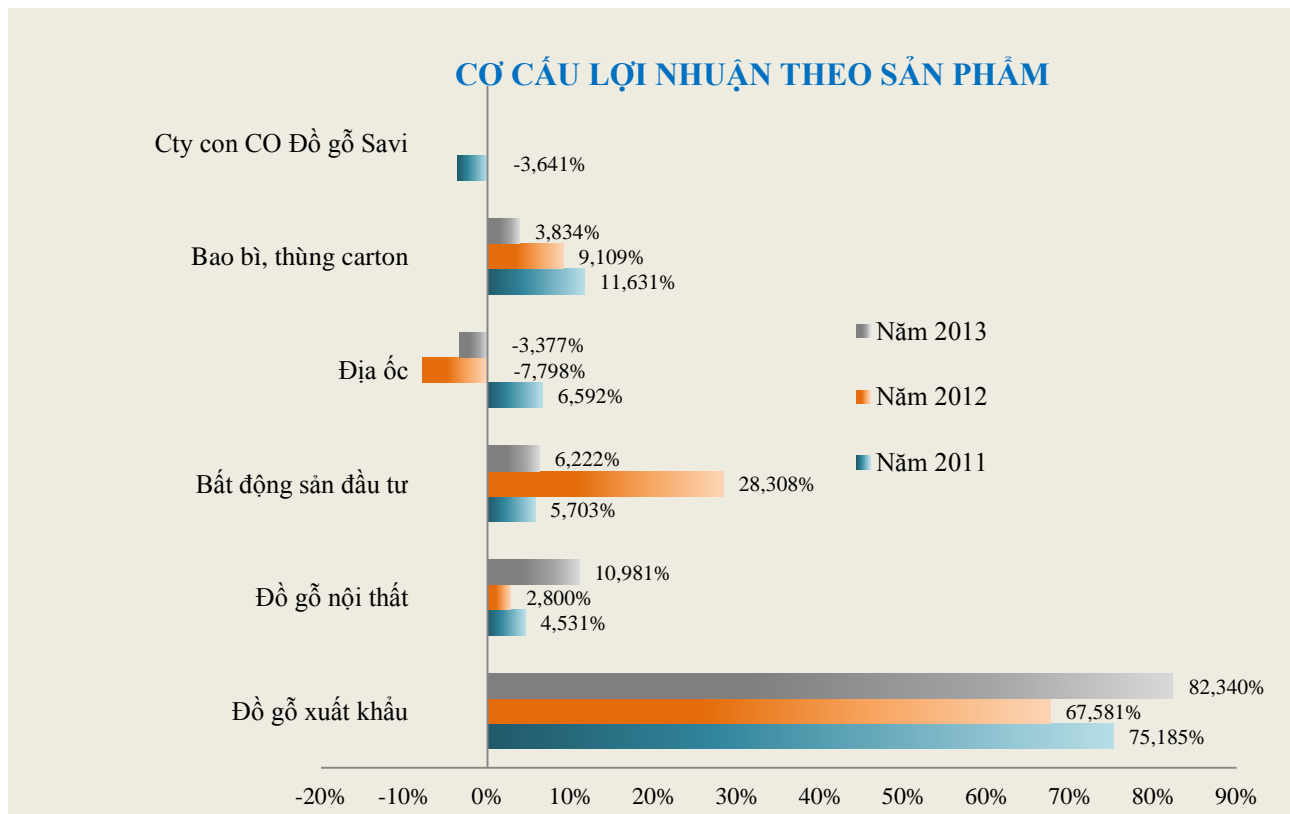
ĐVT: Tỷ đồng

DOANH THU - CHI PHÍ





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Tổng chi phí hoạt động năm 2013 ở mức 552,3 tỷ đồng, tăng 1,38% so với năm 2012. Theo đó, lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 5,8 tỷ đồng, giảm 41,08% so với cùng kỳ, tương đương với 13,44% chỉ tiêu kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế ở mức 4,16 tỷ đồng, giảm 42,24% so với cùng kỳ và đạt 12,79% kế hoạch đề ra.

Nhìn chung, chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng đáng kể đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty. Chi phí đầu vào luôn tăng, nhưng giá bán ra không thể tăng đã dẫn đến hiệu quả kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành



Ông BUI NGOC QUOI – TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh: 21/04/1962

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính doanh nghiệp và kinh doanh tiền tệ

Số lượng cổ phần: 89.095 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,93%



Ông BUI TIEN DUNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh: 28/05/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến gỗ

Số lượng cổ phần: 850 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,0089%



Ông PHAM HOANG SON – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm sinh: 10/05/1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phần: 4.280 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,045%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong ban điều hành

- 01/01/2013: Bổ nhiệm ông Phạm Hoàng Sơn giữ chức vụ Trưởng phòng Kế toán – Tài chính công ty CP Hợp tác kinh tế và XNK Savimex
- 01/09/2013: Bà Lê Thị Thu Hương từ nhiệm chức Giám đốc Tài chính công ty CP Hợp tác kinh tế và XNK Savimex

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Trình độ lao động	1.694	100,00
1	Trình độ trên đại học	1	0,06
2	Trình độ đại học	139	8,21
3	Trình độ cao đẳng	22	1,30
4	Trình độ trung cấp	129	7,62
5	Công nhân kỹ thuật	91	5,37
5	Lao động phổ thông	1.305	77,04
7	Khác	7	0,41
II	Theo loại hợp đồng lao động	1.694	100,00
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	536	31,64
2	Hợp đồng không có xác định thời hạn	841	49,65
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	317	18,71

Thu nhập bình quân

Năm	Đơn vị	Lương bình quân
2010	đồng/người/tháng	3.621.376
2011	đồng/người/tháng	4.222.483
2012	đồng/người/tháng	4.500.460
2013	đồng/người/tháng	5.014.371



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Chính sách nhân sự

Công ty xác định con người là yếu tố quyết định mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đặc trưng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thương mại đồ nội thất gỗ và thị trường chính là xuất khẩu đòi hỏi Savimex phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, vừa có chuyên môn về kinh doanh tốt để phục vụ và tương tác tốt nhất với các khách hàng trong và ngoài nước, vừa có tay nghề cao đối với mảng thiết kế, sản xuất đồ gỗ nội thất. Để thu hút nguồn nhân lực đáp ứng những yêu cầu này, Công ty đã xây dựng hệ thống chính sách nhân sự như sau:

Chính sách đào tạo

Tiếp nối công tác quy hoạch và đào tạo cán bộ kế thừa trong năm, công ty cũng tiến hành sắp xếp, luân chuyển một số cán bộ chủ chốt tại các đơn vị nhằm tăng sức sáng tạo và hiệu quả trong công việc quản lý (ví dụ: phân công lại lãnh đạo Savipack, sắp xếp lại cán bộ quản lý cấp phòng ban ở Satimex, phân công Phó Giám đốc phụ trách theo mảng công việc...).



Chính sách lương, thưởng

- Xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với cán bộ quản lý, năm 2013, công ty đã áp dụng chế độ lương, thưởng theo kết quả hoàn thành chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc (KPIs).
- Tương quan với hiệu quả quản lý, năng lực chuyên môn và năng lực quản lý của đội ngũ CB-CNV nhằm thu hút thêm nguồn nhân lực có chất lượng cao cho Công ty đồng thời khuyến khích đội ngũ nhân viên tích cực nâng cao tay nghề và trình độ
- Hướng đến mục tiêu đảm bảo duy trì đời sống cho người lao động và tạo động lực để người lao động yên tâm công tác.
- Đặt trong sự so sánh với các Công ty, đơn vị cùng ngành nghề trong nước và trong khu vực, chính sách lương của Công ty có thể nói là khá phù hợp và tuân thủ theo các qui định của pháp luật.
- Cụ thể, trong năm 2013, công ty đã tăng lương bình quân cho công nhân trực tiếp nhằm duy trì ổn định lực lượng lao động (Trụ sở chính Nhà máy Satimex 7.14%, chi nhánh tăng 4.62%, Decor tăng 5.97%, SaviPack tăng 6.67%).



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Chính sách phúc lợi cho CB –NV

- Tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ cho người lao động bao gồm các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn 24/24. Thực hiện chế độ phúc lợi khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị đồng phục, trang phục bảo hộ an toàn lao động cho người lao động đầy đủ theo các điều khoản về an toàn lao động.
- Chăm lo nâng cao nhận thức về trình độ, đời sống vật chất, tinh thần, thời gian nghỉ ngơi cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc, duy trì mô hình nhà ở lưu trú cho công nhân ngoài tỉnh, phát triển nhà ăn tập thể.
- Thường xuyên tổ chức các đợt tham quan trong và ngoài nước, tích cực tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí như tặng quà kỉ niệm nhân các ngày lễ lớn, tổ chức nghỉ mát hàng năm cho người lao động. Góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ nhân viên.
- Xây dựng và hoàn thiện điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động theo tiêu chuẩn hệ thống SA 8000.
- Tài trợ các khoản trợ cấp đột xuất cho các trường hợp ốm đau, tai nạn, phúng viếng người thân của CB-CNV cũng như giúp đỡ thường xuyên cho người lao động nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm công tác, gắn bó lâu dài cùng công ty. Savimex luôn tạo điều kiện cho người lao động phát huy tối đa năng lực đóng góp của mình. Các chính sách nhân sự của công ty góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát huy sức mạnh tập thể dựa trên nền tảng tôn trọng, phát huy và công nhận năng lực của mỗi cá nhân, có tinh thần đồng đội trong một môi trường làm việc dân chủ. Tạo ra sự đồng tâm nhất trí trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch của Công ty.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của công ty trong năm 2012 chủ yếu là đầu tư vào **Công ty liên doanh Champa – Savi**. Với tổng mức đầu tư tại thời điểm 31/12/2013 là 13.12 tỷ đồng.

Công ty Liên doanh Champa – Savi được chính thức khánh thành và đi vào hoạt động ngày 14/04/2008. Ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty là sản xuất gỗ nguyên liệu và đồ gỗ chất lượng cao. Từ khi chính thức đi vào hoạt động, Champa-Savi đã mở ra hướng phát triển mới cho Savimex để mở rộng quy mô sản xuất, phát triển mạng bán lẻ đồ gỗ nội thất.

Đầu tư tài chính dài hạn	2012	2013
Cty Liên Doanh Champa - Savi	13.120.448.561	13.120.448.561

13,12 tỷ





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	% tăng/giảm so với 2012
Tổng tài sản	Triệu đồng	682.250	653.948	-4,15%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	547.992	551.293	0,60%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	8.151	3.889	-52,28%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.741	1.940	11,39%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.893	5.829	-41,08%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.205	4.162	-42,24%
Tỉ lệ cổ tức *	%	7,50	25	

(*) Tỷ lệ cổ tức dự kiến chi trả năm 2013 là 25%. Ngày 21/04/014, tạm ứng trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ thực hiện 4%/mệnh giá

Năm 2013, tình hình kinh tế trong và ngoài nước bất ổn, tổng cầu giảm, nhu cầu sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của công ty sụt giảm, đồng thời giá đầu ra của sản phẩm không tăng cùng với áp lực từ việc tăng chi phí sản xuất kinh doanh khiến cho lợi nhuận sau thuế giảm mạnh xuống 42,24%. Theo đó, lợi nhuận phân phối vào các quỹ cũng giảm theo.

Tổng tài sản của công ty xấp xỉ 654 tỷ đồng, giảm 4,15% so với năm 2012. Tổng tài sản công ty sụt giảm chủ yếu do trong năm công ty đã thu hồi khoản đầu tư 5,5 tỷ đồng tại công ty cổ phần đồ gỗ Savi. Bên cạnh đó, công ty đã thực hiện bàn giao chung cư Nguyễn Phúc Nguyên cho ban quản lý chung cư và khách hàng, đồng thời cũng hoàn tất thủ tục bàn giao một số dự án bất động sản khác với khách hàng. Ngoài ra, tiền mặt và các khoản tương đương tiền giảm 26,78% so với năm 2012, một trong các nguyên nhân sụt giảm đến từ việc công ty thực hiện giải ngân hai khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng Vietcombank và Vietinbank.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

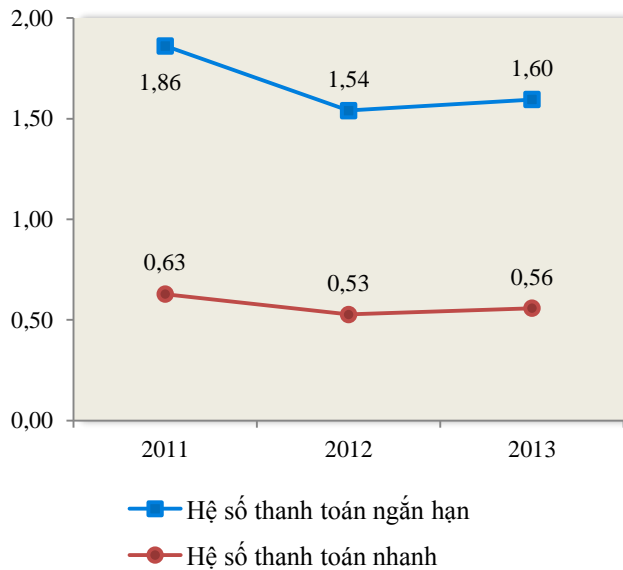
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,54	1,60
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,53	0,56
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	58,02	56,89
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	138,21	131,95
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,28	1,31
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,80	0,84
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,31	0,75
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu BQ	%	2,52	1,46
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản BQ	%	1,10	0,62
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	1,49	0,71

(*) Các chỉ số được tính toán dựa trên số liệu của báo cáo tài chính kiểm toán mới nhất



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

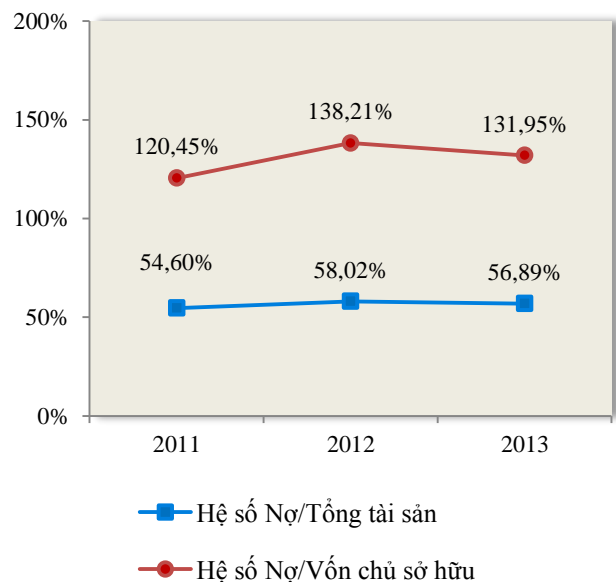
KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Khả năng thanh toán của SAV trong năm 2013 được cải thiện so với năm 2012. Hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức 1,6; hệ số thanh toán nhanh 0,56. Các chỉ số về khả năng thanh toán của SAV đang ở mức khá an toàn.

Năm 2013, tổng tài sản giảm 4,15%, vốn chủ sở hữu giảm 1,56%. Mặc dù, các khoản vay, nợ ngắn hạn, và nợ dài hạn tăng đáng kể, nhưng trong năm công ty đã thanh toán một phần các khoản phải trả cho người bán; do đó, tổng nợ phải trả của SAV giảm 6,02% so với năm 2012. Đáng chú ý, nợ dài hạn tăng 95,51%, vay và nợ ngắn hạn tăng 23,04% so với cùng kỳ. Theo đó hệ số Nợ trên Tổng tài sản giảm từ 58,02% xuống 56,89%. Tương tự hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 138,21% xuống 131,95%.

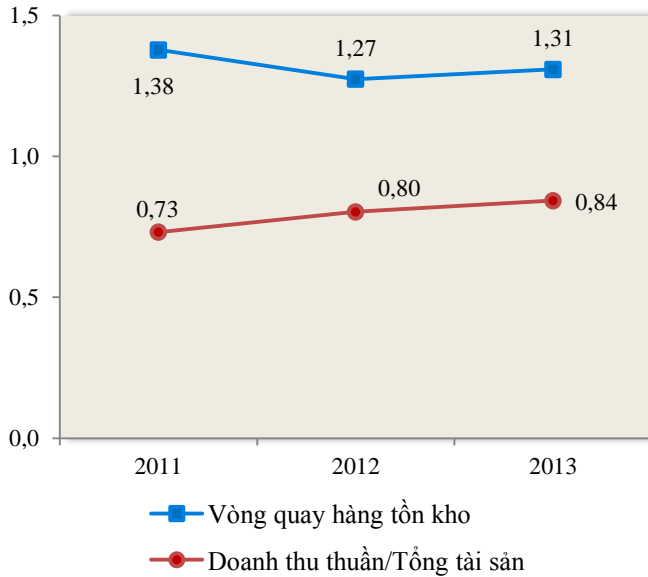
CƠ CẤU VỐN





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

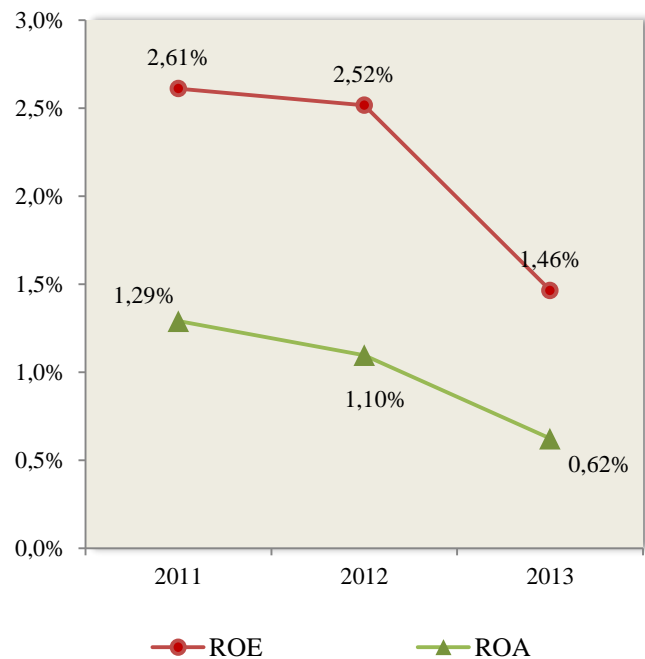
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Năm 2013, vòng quay hàng tồn kho của công ty tăng từ 1,27 đến 1,31. Điều này cho thấy cơ chế quản lý hàng tồn kho của công ty vẫn rất hiệu quả. Từ năm 2011 đến năm 2013, vòng quay tổng tài sản của công ty luôn ổn định. Trung bình 1 đồng tài sản tạo ra 0,79 đồng doanh thu thuần hàng năm. Năm 2013, vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,8 đến 0,84 vòng do giá trị tổng tài sản giảm 5,87% và doanh thu thuần tăng 0,6%.

Năm 2013, lợi nhuận sau thuế của công ty giảm 42,23%, lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD giảm 52,28%, đây là lý do tất cả các chỉ số tỷ suất sinh lời của SAV đều giảm mạnh so với năm 2012. Lợi nhuận biên sau thuế giảm từ 1,31% xuống 0,75%, lợi nhuận biên từ HĐKD giảm từ 1,49% xuống 0,71%. ROE, ROA lần lượt ở mức 1,46% và 0,62%. Năm 2013, do áp lực từ việc đồng yên giảm giá, để duy trì thị phần và mối quan hệ với khách hàng Nhật SAV phải giảm giá bán các đơn hàng, trong khi đó, chi phí đầu vào vẫn tăng. Do đó, lợi nhuận kinh doanh giảm đáng kể trong năm.

KHẢ NĂNG SINH LỜI





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

- Vốn điều lệ: 99.634.500.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 9.963.450 cổ phiếu
 - Cổ phiếu phổ thông: 9.963.450 cổ phiếu
 - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
 - Cổ phiếu quỹ: 395.770 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.567.680 cổ phiếu





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông*

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	658	6.393.755	63.937,55	64,17%
	Cổ đông Nhà nước	647	2.433.703	24.337,03	24,43%
	Cổ đông tổ chức	10	2.610.052	26.100,52	26,20%
	Cổ đông cá nhân	1	1.350.000	13.500,00	13,55%
IV	Cổ đông nước ngoài	77	3.173.925	31.739,25	31,86%
	Cổ đông tổ chức	72	335.985	3.359,85	3,37%
	Cổ đông cá nhân	5	2.837.940	28.379,40	28,48%
II	Cổ phiếu quỹ		395.770	3.957,70	3,97%
	Tổng cộng	735	9.963.450	99.634,50	100,00%

*Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 25/03/2014



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông lớn

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2013, Công ty không thực hiện các giao dịch cổ phiếu quỹ.

- Số cổ phiếu quỹ hiện tại: 395.770 cổ phần

Các chứng khoán khác





III. BÁO CÁO VỀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
4. Kế hoạch SXKD năm 2014
5. Giải trình ý kiến loại trừ của kiểm toán



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2013 tổng doanh thu của công ty đạt 558,04 tỷ đồng, tăng 0,38% so với cùng kỳ, đạt 76,88% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 ở mức 5,8 tỷ đồng, giảm 41,08% so với cùng kỳ, tương đương với 13,44% chỉ tiêu kế hoạch. Tổng chi phí hoạt động năm 2013 đạt 552,3 tỷ đồng, tăng 1,38% so với năm 2012. Theo đó, lợi nhuận sau thuế ở mức 4,16 tỷ đồng, giảm 42,24% so với năm 2012 và đạt 12,79% kế hoạch đề ra. Nhìn chung, với tinh thần trách nhiệm và tập trung cao độ của tập thể lãnh đạo cùng với CB-CNV, Savimex đã vượt qua năm 2013 với những diễn biến phức tạp. Các kết quả đạt được mặc dù không bức phá nhưng là nỗ lực của toàn thể công ty để kết quả lợi nhuận cuối cùng không lỗ.

Với tinh thần đó, công ty đã đạt được một số thành quả nhất định, song vẫn không tránh khỏi một số mặt hạn chế.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

KINH DOANH

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất khẩu

Công ty đã triển khai công tác đầu tư thay thế máy móc thiết bị song song với việc duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo tiến độ các hợp đồng.

Công tác cung ứng theo sát diễn biến giá cả thị trường nên việc đàm phán, ổn định giá cả các loại nguyên vật liệu chính đạt được kết quả khả quan, các loại nguyên liệu Ván giá giảm 5% so với năm 2012; hóa chất giữ giá suốt năm. Ngoài ra việc cân đối nhu cầu sử dụng và khối lượng cần dự trữ cũng được quan tâm đúng mức, nên giá trị tồn kho cũng được giữ ở mức hợp lý.

Với chủ trương mở rộng thị trường, mở rộng khách hàng, khai thác các dòng sản phẩm thế mạnh của công ty, việc chủ động tìm kiếm thêm khách hàng bước đầu đã mang lại những tín hiệu tích cực. Sau khi tiếp xúc và làm mẫu, đến nay một số khách hàng đã tiến hành đặt hàng ổn định như: Shenshukai, GER, Keyword. Ngoài ra, công ty còn có một số khách hàng mới tiếp xúc, đang trong quá trình thương thảo

Hạn chế: Nhìn chung, công ty vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu đổi mới, và một số tiêu chuẩn khắt khe, gây khó khăn trong việc triển khai các đơn hàng mới có yêu cầu nghiêm ngặt của một số khách hàng.

Tình hình các đơn vị trực thuộc

Xí nghiệp SaviDecor

Với mục tiêu khôi phục mảng sản xuất, kinh doanh hàng trang trí nội thất. Đến nay, tình hình sản xuất đã dần đi vào ổn định: Doanh thu bán lẻ đạt bình quân 350 triệu đồng/tháng; Công trình đã nhận đơn hàng đủ cho kế hoạch sản xuất 2014. Kết quả đạt được nhờ vào các chính sách cải tổ của đơn vị như cải thiện chất lượng, khôi phục lòng tin của khách hàng; sắp xếp bộ máy quản lý; linh động trong đối tác với khách hàng...

Hạn chế: Xí nghiệp chưa chủ động được trong việc tiến hành các dự án công trình theo tiến độ, các công trình trang trí nội thất kéo dài thời gian thi công, chủ đầu tư lùi thời gian hoàn thành dự án, sức mua của thị trường bán lẻ còn thấp do kinh tế trì trệ kéo dài. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch chung của xí nghiệp.

Xí nghiệp SaviPack

Trong năm 2013, SaviPack đã củng cố bộ máy quản lý, điều hành góp phần ổn định sản xuất của xí nghiệp ở sáu tháng cuối năm như đề bạt Giám đốc mới, sắp xếp nhân sự quản lý phòng ban. Thực hiện nghiêm túc các công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, không để xảy ra hư hỏng lớn.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

KINH DOANH

Hạn chế: Công tác tìm kiếm đơn hàng, ổn định sản xuất hàng tháng là trở ngại lớn đối với hoạt động kinh doanh của xí nghiệp. Trước khó khăn đó, ngoài việc củng cố mối quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống, chủ lực như Satimex, Scancom, JNF, xí nghiệp cũng đã chủ động tìm kiếm thêm một số khách hàng tiềm năng như: Cofidec, Satra Tây Nam, bao bì Thanh Long... góp phần vào doanh số chung của cả năm và phát triển mạnh vào năm 2014.

SaviHomes

Thông qua việc sắp xếp lại bộ máy nhân sự, phân công cán bộ đảm trách theo từng mảng công việc, công tác quản lý của SaviHomes được cải thiện đáng kể, một số công việc tồn đọng lâu đã được giải quyết dứt điểm bao gồm:

Chi phí lương giảm đáng kể so với năm trước, tương đương 19%.

- Hiện tại công ty đã bàn giao công việc quản lý và vận hành tòa nhà cho Ban quản trị chung cư Nguyễn Phúc Nguyên, kinh doanh hoàn tất các căn hộ và khu thương mại.
- Triển khai hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu căn hộ Ngọc Lan.
- Xây dựng nội dung công việc cần thực hiện tiếp đối với các dự án mới tại địa

chỉ Đào Trí, Bình Hòa, Quận 12...

Hạn chế: Do ảnh hưởng diễn biến chung của thị trường nên các dự án đang triển khai cũng gặp nhiều trở ngại dẫn đến doanh thu mảng địa ốc không đạt kế hoạch đề ra. Dự án Phú Mỹ : Do đối tác góp vốn đầu tư dự án khu nhà ở Savimex và nhận chuyển nhượng dự án trong tương lai gặp khó khăn tài chính dẫn đến vi phạm về thời hạn thanh toán nên công ty đang cân nhắc chấm dứt hợp đồng này. Việc kinh doanh khu thương mại và các căn hộ còn lại của dự án Ngọc Lan; việc tìm đơn vị đối tác cho thuê tòa nhà 194 Nguyễn Công Trứ gặp nhiều khó khăn.



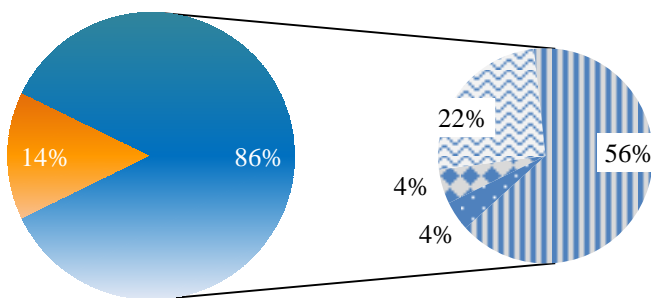
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	% tăng/giảm so với 2012
Tài sản ngắn hạn	592.894	559.348	-5,66%
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	39.625	29.013	-26,78%
<i>Các khoản phải thu</i>	140.098	141.694	1,14%
<i>Hàng tồn kho</i>	390.081	363.780	-6,74%
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	23.091	24.861	7,67%
Tài sản dài hạn	89.356	94.600	5,87%
Tổng tài sản	682.250	653.948	-4,15%

CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2013



- Tài sản dài hạn
- Tài sản ngắn hạn
- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Các khoản phải thu
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác

Trong năm 2013, tổng giá trị tài sản của Savimex giảm 4,15% so với cùng kỳ 2012, hiện đang xấp xỉ 654 tỷ đồng.

Tổng tài sản giảm chủ yếu do giá trị tài sản ngắn hạn giảm 5,66%. Trong đó, tiền mặt và các khoản tương đương tiền giảm 26,78%, chủ yếu do việc tập trung giải ngân hai khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng Vietcombank và Vietinbank, cùng với một số khoản phải trả người bán trong năm và công tác đầu tư thay thế máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Trong bối cảnh kinh tế diễn biến phức tạp, công ty đã triển khai các biện pháp quản lý chặt chẽ ngay từ khâu quản lý tồn kho, cân đối nhu cầu sử dụng và khối lượng cần dự trữ cũng được quan tâm đúng mức, nên giá trị tồn kho cũng được giữ ở mức hợp lý, đạt 363,8 tỷ đồng, giảm 6,74% so với năm 2012.

Đối với tài sản dài hạn, công ty đã thu hồi khoản đầu tư 5,5 tỷ đồng tại công ty cổ phần đồ gỗ Savi trong năm 2013, đồng thời tiến hành bàn giao một số dự án bất động sản cho các khách hàng. Mặt khác, công ty đã đầu tư mua mới máy móc thiết bị, cải tạo nhà xưởng với tổng giá trị 18,8 tỷ, điều này góp phần làm tăng tài sản cố định dài hạn trong năm. Tài sản dài hạn đạt 94,6 tỷ đồng, tăng 5,87% so với cùng kỳ.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

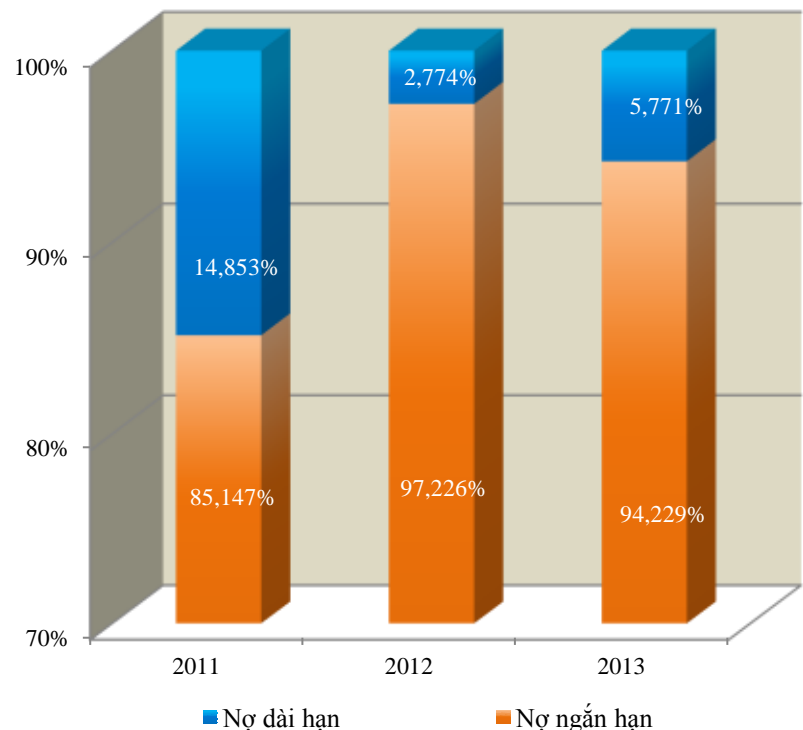
Chỉ tiêu	2012	2013	% tăng/giảm so với 2012
Nợ ngắn hạn	384.861	350.551	-8,91%
Nợ dài hạn	10.980	21.468	95,51%
Tổng nợ phải trả	395.841	372.019	-6,02%

Mặc dù, vay ngắn hạn trong năm 2013 tăng 23,04% vì công ty đã thực hiện thêm khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng BIDV; nhưng do khoản phải trả người bán giảm mạnh 45,64%, tương đương 77,8 tỷ đồng, nên nợ ngắn hạn giảm 8,91% so với năm 2012, đạt 350,6 tỷ đồng.

Nợ dài hạn tăng mạnh từ 11 tỷ đồng lên 21,5 tỷ đồng, tương đương 95,51%. Trong đó bao gồm khoản nợ dài hạn 14,3 tỷ đồng Công ty đã vay thêm từ Ngân hàng BIDV để đầu tư máy móc thiết bị. Thêm vào đó, doanh thu chưa thực hiện từ dự án bất động sản Ngọc Lan tương đương 6,7 tỷ đồng.

Tổng nợ năm 2013 đạt 372 tỷ đồng, giảm 6,02%. Nhìn chung, xét về tỷ trọng, nợ ngắn hạn chiếm 94,2% trong cơ cấu nợ phải trả, do đó diễn biến tổng nợ chịu sự ảnh hưởng lớn từ các khoản nợ ngắn hạn.

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Trong bối cảnh nền kinh tế suy thoái kéo dài, công ty phải đối mặt với các khó khăn trong việc triển khai các kế hoạch mà công ty đã đề ra, nhưng dưới sự chỉ đạo sâu sát của ban điều hành cùng với dự giám sát chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, sự đồng lòng của CB-CNV toàn công ty, công tác cải cách cơ cấu tổ chức của công ty đã đạt được các kết quả nhất định sau:

(1) Trên cơ sở sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức phù hợp định hướng chung của công ty. Năm 2013, công ty đã sắp xếp lại khối văn phòng công ty, chuyển phòng Xuất nhập khẩu thuộc khối văn phòng công ty về cho Nhà máy Satimex là đơn vị trực tiếp sản xuất các sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu điều hành quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà máy về công tác xuất nhập được kịp thời, hiệu quả.

(2) Hoạt động các phòng ban Công ty thường xuyên được rà soát, củng cố theo hướng quản lý tập trung nhằm phục vụ, hỗ trợ ngày càng kịp thời và hiệu quả cho các đơn vị trực thuộc.

(3) Các đơn hàng được đảm bảo hoàn thành đúng với yêu cầu chất lượng và tiến độ của khách hàng, công tác sản xuất và ổn định lao động được thực hiện song song với tiến trình triển khai thay thế



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



sửa chữa máy móc thiết bị một cách hiệu quả.

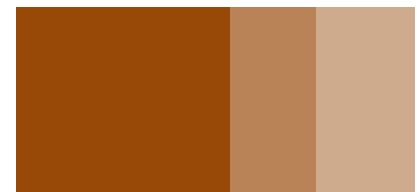
(4) Khối lượng công việc của các dự án bất động sản được hệ thống hóa, phân bổ kịp thời, tiến tới hoàn tất và đóng hồ sơ các dự án cũ. Đặc biệt, thông qua việc sắp xếp lại bộ máy nhân sự, phân công cán bộ đảm trách theo từng mảng công việc, công tác quản lý của SaviHomes được cải thiện đáng kể, một số công việc tồn

đọng lâu đã được giải quyết dứt điểm.

(5) Các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát được duy trì ổn định, liên tục và bám sát tình hình thực tế của công ty.

Tóm lại, trong năm 2013, các chính sách cải tổ bao gồm cải thiện chất lượng sản xuất, chất lượng chăm sóc khách hàng, sắp xếp lại bộ máy quản lý đã giúp

tình hình sản xuất kinh doanh đi vào ổn định trong giai đoạn kinh tế khó khăn. Công ty đảm bảo được mục tiêu không để phát sinh tình trạng nợ xấu, hạn chế mức tồn đọng thuế nhập khẩu, thuế VAT...





KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014
Tổng Doanh Thu	Triệu đồng	735.946
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu đồng	420.000
Doanh thu nội địa	Triệu đồng	167.346
Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN	Triệu đồng	9.121
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	Triệu đồng	7.114
Cổ tức	%	4

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế của các đơn vị

Đơn vị	ĐVT	Kế hoạch 2014
Nhà máy Satimex	Triệu đồng	7.000
Xí nghiệp SaviDecor	Triệu đồng	740
Xí nghiệp SaviPack	Triệu đồng	1.800
TTXD SaviHomes + Văn phòng Công ty	Triệu đồng	-419
Tổng cộng	Triệu đồng	9.121



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

Nhà máy Satimex

- Tiếp tục triển khai công tác đầu tư thay thế máy móc thiết bị, tiến hành đánh giá lại nhà cung cấp máy đã thực hiện năm 2013 để có quyết định phù hợp cho việc đầu tư tiếp theo.
- Thiết lập đơn vị bảo trì máy móc thiết bị bên ngoài, tập trung đối với máy móc thiết bị tự động.
- Triển khai khoán lương đến từng xưởng, không chế quỹ lương đúng quy định.
- Năng suất lao động : Áp dụng đồng loạt các biện pháp tăng năng suất lao động bao gồm: kỹ thuật - chất lượng, cung ứng; lao động - tiền lương, khoán, v.v...
- Công tác cán bộ:
 - Có kế hoạch đào tạo, nâng cấp đội ngũ công nhân mới theo hướng nâng 20% công nhân trực tiếp làm được từ 2 công đoạn trở lên. Đồng thời rà soát, sắp xếp lại cán bộ quản lý cấp phòng ban cho phù hợp năng lực và tiềm năng phát triển.
 - Sắp xếp và bố trí lại cán bộ quản lý theo hướng sàng lọc để lựa chọn các nhân sự ưu tú vào vị trí lãnh đạo.
- Đối với nguyên vật liệu, cần phải quản lý chặt công tác tồn kho, định mức, cấp phát sử dụng. Tiếp tục rà soát giá cả các loại nguyên vật liệu phụ.
- Đơn hàng, khách hàng:
 - Tiếp tục hợp tác với các khách hàng truyền thống (JNF, Marunaka, Maszma, v.v...)
 - Định hướng: chuyển dần từ việc sản xuất các mặt hàng cấp thấp sang mặt hàng có chất lượng cao, gia tăng giá trị gia công.
 - Khách hàng mới: ưu tiên cho mùa thấp điểm, chọn mặt hàng có giá trị cao.
 - Đối với khách hàng mới cần đánh giá các rủi ro: thanh toán, chất lượng, tiến độ... và khả năng đáp ứng đơn hàng.
- Cần xác định lại các khâu cần gia công để phát triển gia công ngoài, tận dụng lợi thế cạnh tranh của từng đơn vị để tiết giảm chi phí, chỉ tập trung các đơn vị mạnh, có năng lực để giải quyết được nút thắt của nhà máy.





KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Xí nghiệp Décor

- Mở rộng hệ thống phân phối;
- Tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp nhân sự phù hợp yêu cầu công việc từng bộ phận; cân đối lực lượng lao động nhằm đảm bảo khả năng đối phó tình huống nhiều công trình đến cùng lúc;
- Phát triển nhà thầu phụ có chọn lọc;
- Đàm phán , điều chỉnh giá bán với chủ đầu tư.





KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Xí nghiệp bao bì SaviPack

- Tiếp tục sắp xếp nhân sự phòng ban, sắp xếp hợp lý các khâu trong sản xuất nhằm tăng năng suất; lập kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực song song việc sắp xếp lại nhân sự;
- Xây dựng lao động trực tiếp có năng lực làm được nhiều công đoạn nhằm sử dụng lao động hiệu quả;
- Kiểm soát quỹ lương, triển khai khoán lương từng công đoạn;
- Xác định lại các khách hàng chủ lực cho năm 2014, tập trung giữ và phát triển các khách hàng chủ lực đã có;
- Tập trung triển khai sản xuất đơn hàng Thanh Long Bình Thuận cho năm 2014 nhằm đảm bảo việc làm mùa thấp điểm.





KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014



Trung tâm xây dựng Savihomes

- Hệ thống hóa khối lượng công việc còn tồn tại; xây dựng kế hoạch cụ thể;
- Thẩm định giá khu thương mại Ngọc Lan để chào bán;
- Bàn giao việc quản lý chung cư Ngọc lan ngay trong quý II/2014;
- Làm việc với luật sư để giải quyết khiếu nại của khách hàng;
- Xây dựng kế hoạch chi tiết về công nợ phải thu, các tài sản cần bán, cho thuê và các dự án chuẩn bị triển khai tiếp;
- Rà soát, sắp xếp lại nhân sự phù hợp quy mô hoạt động năm 2014;
- Cán bộ được phân công phải bám sát, giải quyết dứt điểm từng hạn mục ở các dự án cũ còn tồn đọng.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014



Khôi văn phòng công ty

- Phối hợp các đơn vị thực hiện công tác quy hoạch cán bộ để có kế hoạch đào tạo;
- Xây dựng các chỉ tiêu năng suất lao động thống nhất trong toàn công ty;
- Thiết lập các giải pháp kiểm soát chi phí, kiểm soát quỹ lương các đơn vị trực thuộc;
- Rà soát, đánh giá lại công tác cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, từ đó củng cố lại mạng lưới nhà cung cấp;
- Kiểm tra, đánh giá hiệu quả sau khi đầu tư;
- Có kế hoạch kiểm soát tồn kho, cấp phát, sử dụng nguyên vật liệu ở các đơn vị.



GIẢI TRÌNH Ý KIẾN LOẠI TRỪ CỦA KIỂM TOÁN



CÔNG TY CỔ PHẦN
SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ – Quận 1
ĐT : 38.292.917 - Fax: 38.299.642

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
1975

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2014

SỐ: 0348 2014/SAV/KTTC.CV

V/v: Ý kiến Kiểm toán Báo cáo tài chính 2013.

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

- Căn cứ Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010,
- Căn cứ thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán 2013,

Theo đó Báo cáo Kiểm toán niên độ 2013 kiểm toán viên có những ý kiến sau:

- Trong năm 2013, Công ty thực hiện phân bổ lãi vay trong năm 2013 cho hoạt động sản xuất kinh doanh: 1.921.079.617 đồng và cho Dự án Phú Mỹ 9.117.550.630 đồng,
- Tỷ lệ xác nhận thu đối chiếu công nợ các khoản phải thu 68% (trên tổng số công nợ phải thu 175.753.494.793 đồng), các khoản phải trả là 70% (trên tổng số công nợ phải trả 190.840.138.967 đồng).

Đơn vị xin có ý kiến như sau:

- Lĩnh vực kinh doanh Cty Savimex là sản xuất, xuất khẩu đồ gỗ; bất động sản; Trong năm đơn vị có thực hiện vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (Sản xuất và hoạt động dự án) - việc vay vốn là cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án tại Công ty. Quá trình sử dụng vốn tại các đơn vị không thể phân định rõ ràng vì trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh sự biến động về sử dụng vốn thay đổi liên tục nên đơn vị phân bổ chi phí lãi vay: cho hoạt động sản xuất kinh doanh: 1.921.079.617 đồng và cho Dự án 9.117.550.630 đồng. Hiện tại, do tình hình chung Bất động sản địa ốc gặp nhiều khó khăn, các dự án dở dang triển khai chậm, trong đó dự án Phú Mỹ là có giá trị hàng trăm tỷ đồng nên khoản lãi vay phần lớn hạch toán vào dự án này. Khi dự án hoàn thành, đủ điều kiện ghi nhận doanh thu đơn vị sẽ kết chuyển lãi lỗ theo quy định.
- Tỷ lệ công nợ chưa đối chiếu: Tại thời điểm kiểm toán ra báo cáo đơn vị chưa nhận đủ xác nhận công nợ do có những khách hàng ở xa, nước ngoài; Đến thời điểm hiện tại (25/03/2014), đơn vị đã bổ sung đầy đủ xác nhận công nợ theo yêu cầu của Kiểm toán.

Đơn vị xin giải trình cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán được biết,



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Khắc Thanh

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở GDCK - TP.HCM
- Lưu

CTY CP HỢP TÁC VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SA VIMEX



TỔNG GIÁM ĐỐC





IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc
3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2013 mặc dù được đánh giá là tình hình kinh tế vĩ mô đã ổn định, song mọi hoạt động của công ty vẫn còn nhiều khó khăn. Tổng doanh thu của công ty năm 2013 đạt 558,04 tỷ VNĐ, tăng 0,38% so với cùng kỳ, đáp ứng 76,88% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 5,8 tỷ VNĐ, giảm 41,08% so với cùng kỳ, tương đương với 13,44% chỉ tiêu kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế ở mức 4,16 tỷ VNĐ, giảm 42,24% so với cùng kỳ và đạt 12,79% kế hoạch đề ra.

Đối với hoạt động sản xuất xuất khẩu

Công ty gặp không ít khó khăn do đồng Yên mất giá trên 20% từ những tháng đầu năm 2013. Để giữ được đơn hàng, duy trì hoạt động sản xuất, công ty đã phải giảm giá bán. Kim ngạch xuất khẩu của công ty năm 2013 đạt 99,09% so với năm 2012. Đồng thời với việc giữ được đơn hàng xuất khẩu, công ty cũng tập trung giữ vững lực lượng lao động sản xuất với nhiều hoạt động tích cực như: hình thành khu nhà lưu trú cho công nhân, nhà ăn, ký kết hợp đồng lao động...

Đối với hoạt động bán lẻ và công trình trang trí nội thất

Các công trình cũng gặp nhiều khó khăn trong 6 tháng đầu năm do ảnh hưởng của thị trường bất động sản đóng băng kéo dài, cùng với việc thắt chặt chi tiêu. Tuy nhiên, trong quý 4, công ty đã ký được các hợp đồng trang trí nội thất có trị giá lớn. Doanh số đồ gỗ nội địa năm 2013 đạt trên 20 tỷ đồng tăng 51% so với năm 2012.

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản

SAV hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan các dự án đã kinh doanh như: cao ốc Nguyễn Phúc Nguyên, khu dân cư Phú Thuận, khu dân cư Bình Trị Đông, chung cư Ngọc Lan... để hoàn thành chủ quyền cho khách hàng. Đồng thời hoàn tất chấm dứt dự án khu du lịch Hồ Tuyền Lâm, hoàn tất hợp đồng thuê đất ở Thủ Đức, hợp đồng thuê đất 194 Nguyễn Công Trứ, triển khai dự án Phú Mỹ với đối tác, chuẩn bị cho thủ tục đầu tư dự án Đào Trí. Nhìn chung, hoạt động bất động sản dù đã bán hết các căn hộ Ngọc Lan từ năm 2012 nhưng vẫn tiếp tục thu tiền đến hết tháng 6 năm 2014. Bên cạnh đó, phát sinh nhiều chi phí cho các dự án đã kinh doanh trước đây, cũng như vốn tồn đọng do các dự án dở dang còn rất lớn.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đối với hoạt động quản lý điều hành

Công ty thực hiện đúng Nghị Quyết của Đại Hội đồng cổ đông, của Hội đồng Quản Trị nhằm đảm bảo duy trì sự ổn định liên tục trước những khó khăn nặng nề hiện nay. Định kỳ hàng tháng, hàng quý các phòng ban công ty tổ chức phối hợp kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch: doanh thu, lợi nhuận, chi phí, quỹ lương, công nợ, hàng tồn kho, kiểm tra báo cáo tài chính... tại các đơn vị. Từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Không để phát sinh tình trạng nợ xấu, hạn chế mức tồn đọng thuế nhập khẩu, thuế VAT.

Tóm lại, mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế suy thoái kéo dài gây khó khăn cho việc triển khai các chương trình trọng điểm mà công ty đã đề ra, song dưới sự đoàn kết và nỗ lực của toàn thể ban lãnh đạo cùng CB-CNV, công ty đạt được các mục tiêu chính như:

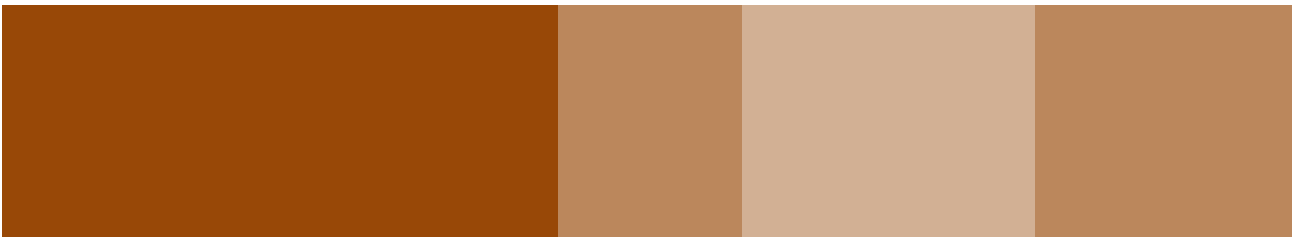
- **Khối sản xuất:** đảm bảo đơn hàng, ổn định sản xuất, ổn định lao động, triển khai một phần công tác đầu tư giai đoạn 1 về thay thế máy móc thiết bị.
- **Mảng địa ốc:** hệ thống hóa khối lượng công việc của từng dự án, phân công nhân sự giải quyết kịp thời từng vấn đề, tiến tới hoàn tất và đóng hồ sơ các dự án cũ.
- **Khối văn phòng công ty:** phối hợp với các đơn vị kiểm soát tốt giá nguyên vật liệu đầu vào, triển khai công tác đầu tư theo kế hoạch, kiểm soát quỹ lương, kiểm soát chi phí kịp thời và chặt chẽ hơn.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Năm 2013, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng chức trách tham mưu cho HĐQT, và làm đúng tinh thần các Quyết định, Nghị Quyết Hội đồng Quản trị đề ra. Thông qua các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ, Ban Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động cụ thể của công ty, đồng thời đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp để giải quyết các tình huống khó khăn. Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt trách nhiệm và nhiệm vụ của mình, điều hành công ty hoạt động theo các kế hoạch mục tiêu đề ra.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để chuẩn bị cho các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, Hội đồng Quản trị đề ra các mục tiêu cụ thể sau:

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hệ thống SA 8000, thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc, an toàn lao động, tạo môi trường làm việc an toàn tại các đơn vị sản xuất;
- Thực hiện chính sách lương/thưởng hợp lý gắn với kết quả làm việc. Gắn lợi ích lâu dài của người lao động với lợi ích công ty;
- Thực hiện công tác đào tạo theo hướng tập trung phù hợp định hướng công ty;
- Kiểm soát tình hình tài chính, kiểm tra định kỳ và đề xuất giải quyết các vấn đề tồn tại về công nợ, hàng tồn kho, chi phí sản xuất...;
- Tiếp tục xây dựng các nguồn cung cấp phù hợp về quy mô chất lượng, giá cả cạnh tranh. Đàm phán với các nhà cung cấp với mục tiêu giảm giá nguyên vật liệu và kiểm chế tăng giá.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị



Bà LÊ MINH TRANG – CHỦ TỊCH HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 8/9/1965

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD; Cử nhân Kinh tế Tài Chính

Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: **27.160** cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: **0,28%**

Đại diện sở hữu: **1.350.000** cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: **14,111%**



Ông BÙI NGỌC QUỚI – THÀNH VIÊN HĐQT

Xem nội dung Thành viên Ban điều hành



Ông LOUIS NGUYỄN – THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 21/4/1963

Quốc tịch: Mỹ

Trình độ chuyên môn : **Finance**

Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 0%

Đại diện sở hữu: **2.328.380** cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 24,34%



Ông VÕ HỮU THIÊN – THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày tháng năm sinh: **23/1/1957**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống điện

Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 0%

Đại diện sở hữu: **501.650** cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: **5,24%**



Ông LÊ TOÀN – THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 2/3/1960

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Ngoại Thương

Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: 28.670 cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 0,3%



Ông NGUYỄN NHÂN NGHĨA – THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày tháng năm sinh: **21/12/1969**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Kinh tế Tài Chính – Đại học London

Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: 10.000 cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 0,1%

Đại diện sở hữu: **1.878.195** cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: **19,63%**



Ông DUƠNG HẢI – THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 11/5/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD , Cử nhân Tài chính Kế toán; Cử nhân Luật

Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ cổ phần: 0%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty đã làm việc rất tích cực, luôn theo sát tình hình công ty và đưa ra các Nghị quyết kịp thời cho các vấn đề phát sinh. Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã thực hiện tổng cộng 07 phiên họp.

Tại các cuộc họp, Hội đồng Quản trị thường xuyên xem xét tình hình để có chủ trương chỉ đạo kịp thời công tác quản lý điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch Tổng Giám đốc đề ra. Các hoạt động trong năm 2013 nhằm:

- Đánh giá kết quả SXKD năm 2012, xây dựng kế hoạch 2013 phù hợp điều kiện thực tế và tiến hành tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 kịp thời hạn quy định.
- Chi trả cổ tức năm 2012 cho cổ đông đúng kế hoạch và thực hiện trích lập dự phòng theo yêu cầu, giải quyết được một bước tồn kho và công nợ tồn đọng.
- Tiếp tục ổn định sản xuất, giữ được đơn hàng, bảo đảm việc làm, thu nhập cho công nhân, người lao động.

Các thành viên dự họp Hội đồng Quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Lê Minh Trang	Chủ tịch	7/7	100%	
2	Ông Bùi Ngọc Quới	Quản trị viên/Tổng Giám đốc	7/7	100%	
3	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	UV. HĐQT	7/7	100%	
4	Ông Louis Nguyễn	UV. HĐQT	7/7	100%	
5	Ông Lê Toàn	UV. HĐQT	7/7	100%	
6	Ông Võ Hữu Thiện	UV. HĐQT	7/7	100%	
7	Ông Dương Hải	UV. HĐQT	4/7	57%	Bổ nhiệm ngày 26/04/2013



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết / Quyết định của Hội đồng Quản trị

Trong năm, tổng cộng đã có 17 văn bản, Nghị quyết được Hội đồng Quản trị thông qua trong năm 2013.

TT	Số văn bản, nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	096/SAV/KHKD/CV-2013	25/01/2013	Ủy quyền cho người thực hiện công bố thông tin
2	25/SAV/HĐQT/BB-2013	25/01/2013	Quan hệ tín dụng NHTMCP Công thương CN.11
3	27/SAV/HĐQT/NQ-2012	29/03/2013	Hạn mức tín dụng (ngắn hạn) BIDV
4	28/SAV/HĐQT/QĐ-2013	27/04/2013	Tái bổ nhiệm có thời hạn TGD điều hành
5	29/SAV/ĐHCĐ/NQ-2013	12/04/2013	Chủ trương vay BIDV đầu tư máy móc thiết bị
6	01/SAV/ĐHCĐ/NQ-2013	26/04/2013	Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2013
7	02/SAV/ĐHCĐ/BB-2013	26/04/2013	Biên bản đại hội cổ đông thường niên 2013
8	03/SAV/HĐQT/CV-2013	07/05/2013	Cam kết tính độc lập thành viên HĐQT
9	04/SAV/HĐQT/QĐ-2013	07/05/2013	Ban hành quy chế nội bộ
10	05/SAV/HĐQT/QĐ-2013	24/05/2013	Nghị quyết họp thường kỳ tháng 05/2013
11	06/SAV/HĐQT/BB-2013	24/05/2013	Hạn mức tín dụng NH Ngoại Thương
12	07/SAV/HĐQT/NQ-2013	24/05/2013	Chọn công ty kiểm toán AASCs
13	08/SAV/HĐQT/QĐ-2013	28/05/2013	Thành lập Tổ công tác theo dõi dự án Phú Mỹ
14	09/ SAV/HĐQT/BC-2013	15/07/2013	Tình hình quản trị công ty 6 tháng 2013
15	11/SAV/HĐQT/NQ-2013	23/08/2013	Hợp tác dự án Phú Mỹ
16	12/SAV/HĐQT/NQ-2013	23/08/2013	Chấp thuận cho Giám đốc Tài chính từ nhiệm
17	01/SAV/HĐQT/QĐ-2014	01/01/2014	Tái bổ nhiệm có thời hạn Kế toán trưởng



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

Thực hiện Quy chế quản trị công ty do Bộ Tài chính quy định theo thông tư số 121/2012/TT-BTC, Hội đồng Quản trị bảo đảm tỷ lệ thành viên độc lập (2/7) và báo cáo hình thành Tiểu Ban Lương – Thưởng. Hội đồng Quản trị phân công các thành viên tham gia các tiểu ban sau:

Tiểu Ban Chính sách phát triển

- Bà Lê Minh Trang
- Ông Bùi Ngọc Quới
- Ông Nguyễn Nhân Nghĩa

Tiểu Ban Nhân sự

- Bà Lê Minh Trang
- Ông Bùi Ngọc Quới
- Ông Võ Hữu Thiện
- Ông Lê Toàn

Tiểu Ban Tài chính và Kiểm soát nội bộ

- Ông Nguyễn Nhân Nghĩa
- Ông Louis Nguyễn
- Ông Dương Hải

Tiểu Ban Lương – Thưởng

- Bà Lê Minh Trang
- Ông Lê Toàn
- Ông Bùi Ngọc Quới



Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị phân công các thành viên trực tiếp tham gia Tổ công tác phối hợp cùng Tổng Giám đốc tiếp tục đẩy nhanh các thủ tục pháp lý của dự án khu dân cư Phú Mỹ và cùng tham gia tiếp xúc, đàm phán với đối tác dự án.

Trong năm 2013, Tiểu ban Tài chính và kiểm soát nội bộ thuộc HĐQT, phối hợp cùng Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc theo dõi xử lý công nợ, tài sản tồn đọng, hàng tồn kho. Góp phần bảo đảm công tác kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đúng thời hạn quy định. Tiểu Ban Chính sách nhân lực thuộc HĐQT phối hợp cùng Ban điều hành thực hiện việc tuyển dụng mới và bổ sung nhân sự bố trí vào các vị trí quản lý sản xuất kinh doanh trong công ty.

Trong năm 2013, Người phụ trách công bố thông tin của Công ty được phân công là bà Lương Thị Phước Hạnh, Phó Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh, giúp HĐQT và Tổng Giám đốc điều hành thực hiện việc công bố thông tin.



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát



Bà KHÔNG KIM MAI – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm sinh: 9/6/1956

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Tài chính Kế toán

Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: 7.550 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần: 0,079%



Ông VÕ HOÀNG CHƯƠNG – TV BAN KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm sinh: 16/9/1985

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính ứng dụng – Cử nhân chuyên ngành
Tài chính doanh nghiệp

Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần: 0%



Bà TRƯƠNG THỊ MAI ANH – TV BAN KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm sinh: 26/7/1954

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phần nắm giữ cá nhân: 850 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần: 0,0089%



BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động của công ty cổ phần Hợp tác kinh tế và xuất nhập khẩu Savimex. Ban kiểm soát đã tiến hành các cuộc họp trong năm 2013 nhằm tiến hành công tác giám sát kiểm toán nội bộ; kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính quý, năm 2013 một cách thận trọng, chính xác, đảm bảo quyền lợi cổ đông.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: Đồng/năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng
I	Hội đồng Quản trị			
1	Lê Minh Trang	Chủ tịch HĐQT	55.000.000	15.000.000
2	Bùi Ngọc Quới	Thành viên HĐQT	44.000.000	15.000.000
3	Louis Nguyễn	Thành viên HĐQT	44.000.000	15.000.000
4	Võ Hữu Thiện	Thành viên HĐQT	44.000.000	15.000.000
5	Lê Toàn	Thành viên HĐQT	44.000.000	15.000.000
6	Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT	44.000.000	15.000.000
7	Dương Hải	Thành viên HĐQT	44.000.000	15.000.000
II	Ban điều hành			
1	Bùi Ngọc Quới	Tổng Giám đốc	720.000.000	186.742.900
2	Bùi Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	381.781.921	70.047.000
3	Phạm Hoàng Sơn	Kế Toán trưởng	275.000.000	53.813.000
III	Ban kiểm soát			
1	Khổng Kim Mai	Trưởng Ban KS	44.000.000	15.000.000
2	Võ Hoàng Chương	Ủy viên BKS	14.000.000	-
3	Trương Thị Mai Anh	Ủy viên BKS	10.000.000	-



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Giao dịch	Thời gian thực hiện
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Bùi Ngọc Quới	Tổng Giám đốc	67,595	0.706%	84,095	0.879%	Mua	15/01/2013 - 07/02/2013
2	Phạm Hoàng Sơn	Kế Toán trưởng	19,910	0.208%	910	0.0095%	Bán	05/06/2013 – 06/06/2013
3	Phạm Hoàng Sơn	Kế Toán trưởng	910	0.0095%	5,910	0.0618%	Mua	11/07/2013 – 05/08/2013
4	Phạm Hoàng Sơn	Kế Toán trưởng	5,910	0.0618%	7,930	0.828%	Mua	03/09/2013 – 25/09/2013
5	Phạm Hoàng Sơn	Kế Toán trưởng	7,930	0.828%	10,000	0.105%	Mua	23/10/2013 – 22/11/2013
6	Phạm Hoàng Sơn	Kế Toán trưởng	10,000	0.105%	4,280	0.0447%	Bán	06/12/2013 – 27/12/2013

Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Liên quan	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Thời gian thực hiện
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Công ty TNHH Việt Phát Hưng	Louis Nguyễn là Tổng Giám đốc	5,000	0.0523%	0	0%	Bán	19/08/2013

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Thời gian thực hiện
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Vietnam Property Holding	2,328,390	24.335%	2,333,380	24,388%	Mua	19/08/2013



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm, công ty không thực hiện các hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Savimex cam kết thực hiện đúng các quy định về quản trị công ty, tuân thủ pháp luật và điều lệ công ty.



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

31142.45
+ 3542.55
+ 1352.14
+ 2100.36
+ 854.94

=====

38992.44

=====

Số: 86/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính năm 2013
của Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX

Kính gửi:

- Cổ đông Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX
- Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được lập ngày 28/02/2014 từ trang 7 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Trong năm 2013, Công ty thực hiện phân bổ chi phí lãi vay năm 2013 cho hoạt động sản xuất kinh doanh 1.921.079.617 VND và cho Dự án Phú Mỹ 9.117.550.630 VND.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, tỷ lệ nhận được thu đối chiếu xác nhận các khoản phải thu là 68% (trên tổng số công nợ phải thu 175.753.494.793 VND), các khoản phải trả là 70% (trên tổng số công nợ phải trả 190.840.138.967 VND).

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0424-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2013	01/01/2013
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		559.348.052.574	592.893.850.946
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	29.013.005.062	39.625.065.490
1. Tiền	111		18.468.168.806	8.810.065.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.544.836.256	30.815.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		141.693.999.329	140.097.512.028
1. Phải thu khách hàng	131		124.325.436.615	134.227.070.975
2. Trả trước cho người bán	132		40.440.845.968	32.857.018.315
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	2	11.915.166.675	7.355.173.774
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(34.987.449.929)	(34.341.751.036)
IV. Hàng tồn kho	140	3	363.780.273.179	390.080.552.667
1. Hàng tồn kho	141		365.871.982.904	392.229.895.727
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.091.709.725)	(2.149.343.060)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.860.775.004	23.090.720.761
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.326.544.788	1.132.406.391
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.956.600.153	7.446.567.551
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	4	2.570.417.853	2.779.615.313
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5	11.007.212.210	11.732.131.506
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		94.599.969.162	89.355.833.909
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2013	01/01/2013
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		61.907.032.854	58.435.203.965
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	56.904.682.923	52.804.795.718
- Nguyên giá	222		138.343.615.358	133.182.492.208
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(81.438.932.435)	(80.377.696.490)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	4.707.575.189	5.012.517.047
- Nguyên giá	228		6.564.883.449	6.610.683.449
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.857.308.260)	(1.598.166.402)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	294.774.742	617.891.200
III. Bất động sản đầu tư	240	9	732.488.423	791.480.771
- Nguyên giá	241		1.936.218.974	1.936.218.974
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(1.203.730.551)	(1.144.738.203)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	10.957.238.148	11.751.362.543
1. Đầu tư vào công ty con	251	10.1	-	5.536.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10.2	13.120.448.561	13.120.448.561
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	10.3	(2.163.210.413)	(6.905.086.018)
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.003.209.737	18.377.786.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	20.002.457.069	17.414.218.061
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	109.152.668	71.968.569
3. Tài sản dài hạn khác	268		891.600.000	891.600.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		653.948.021.736	682.249.684.855

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2013	01/01/2013
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		372.018.665.588	395.840.858.550
I. Nợ ngắn hạn	310		350.550.838.185	384.860.500.983
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	141.183.053.452	114.746.015.132
2. Phải trả người bán	312		77.756.183.942	143.038.759.116
3. Người mua trả tiền trước	313		61.842.589.816	42.547.990.779
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.906.550.499	147.787.532
5. Phải trả công nhân viên	315		7.015.497.918	6.569.191.330
6. Chi phí phải trả	316	14	10.329.467.891	10.356.949.990
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	50.764.242.209	67.195.385.270
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	19.5	(246.747.542)	258.421.834
II. Nợ dài hạn	330		21.467.827.403	10.980.357.567
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		477.123.000	627.038.500
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	14.291.143.000	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	18		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	17	6.699.561.403	10.353.319.067
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	19	281.929.356.148	286.408.826.305
I. Vốn chủ sở hữu	410		281.929.356.148	286.408.826.305
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.634.500.000	99.634.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		144.032.786.110	144.032.786.110
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.315.281.096)	(7.315.281.096)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.948.321.889	11.948.321.889
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.029.104.659	3.030.952.085
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.162.025.667	7.639.648.398
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		27.437.898.919	27.437.898.919
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		653.948.021.736	682.249.684.855

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		276.475.000,00	276.475.000
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (YEN)		138.224.947,00	210.645.830
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (USD)		193.240,00	471.627
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		770.688,95	1.338.682,68
- EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu



Võ Vinh Đạt

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn

Trưởng Giám đốc



Bùi Ngọc Quới

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	551.467.190.495	634.265.810.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		174.406.389	86.273.431.874
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		551.292.784.106	547.992.379.088
4. Giá vốn hàng bán	21	493.241.274.501	479.667.383.390
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		58.051.509.605	68.324.995.698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	4.256.145.851	4.437.252.774
7. Chi phí tài chính	22	4.297.910.208	5.696.801.756
+ Trong đó: chi phí lãi vay		1.921.079.617	2.114.924.657
8. Chi phí bán hàng		12.764.700.279	15.366.913.169
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		41.355.603.707	43.547.224.308
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.889.441.262	8.151.309.239
11. Thu nhập khác	20.3	2.489.853.068	3.507.762.752
12. Chi phí khác	23	550.343.026	1.766.547.767
13. Lợi nhuận khác		1.939.510.042	1.741.214.985
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.828.951.304	9.892.524.224
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	1.704.109.736	2.759.212.322
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(37.184.099)	(71.968.569)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.162.025.667	7.205.280.471
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	26	435	753

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu



Võ Vinh Đạt

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Bùi Ngọc Quỳnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>		5.828.951.304	9.892.524.224
<i>2 Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ		8.532.171.522	9.587.826.822
- Các khoản dự phòng		(4.153.810.047)	(456.675.922)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện		21.064.268	(65.151.037)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.749.449.051)	(20.339.965.338)
- Chi phí lãi vay		1.921.079.617	2.114.924.657
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>		9.400.007.613	733.483.406
- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.876.835.814)	(35.312.756.632)
- Tăng, giảm hàng tồn kho		26.357.912.823	(31.951.094.755)
- Tăng, giảm các khoản phải trả		(58.041.807.923)	113.682.792.025
- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.782.377.405)	(5.195.401.132)
- Tiền lãi vay đã trả		(10.937.630.247)	(19.275.946.475)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(347.299.748)	(5.031.802.251)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		493.667.087	(2.822.506.378)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.727.100.952)	(8.396.564.807)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		(43.461.464.566)	6.430.203.001
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(28.231.446.830)	(14.863.868.516)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		109.848.484	19.839.847.655
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ của đơn vị khác		(45.062.937.398)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ cho đơn vị khác		65.333.101.142	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi vốn góp từ đơn vị khác		5.536.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.572.816.009	3.001.025.445
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(742.618.593)	7.977.004.584
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp khác của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã PH		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		367.468.950.351	255.140.211.585
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(326.740.769.031)	(294.894.851.930)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.073.701.141)	(6.685.784.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		33.654.480.179	(46.440.424.945)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)		(10.549.602.979)	(32.033.217.360)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		39.625.065.490	71.593.131.813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(62.457.449)	65.151.037
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	31	29.013.005.062	39.625.065.490

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu



Võ Vinh Đạt

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Bùi Ngọc Quới

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế Và Xuất Nhập Khẩu SAVIMEX được chuyển đổi từ Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28/05/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302317892, thay đổi lần thứ 11, ngày 02/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 99.634.500.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2013 là 99.634.500.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh hàng xuất nhập khẩu lâm sản chế biến, nông thủy hải sản, thực phẩm, bao bì, hàng thủ công mỹ nghệ, kim khí điện máy, vật tư nguyên liệu, phụ tùng, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải, dịch vụ xuất nhập khẩu và thương mại (trừ sản xuất thực phẩm tươi sống, tái chế phế thải, chế biến gỗ, sản xuất gốm sứ, thủy tinh, gia công cơ khí, xi mạ điện); Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Xây dựng và kinh doanh nhà; Mua bán xe máy, xe đạp, máy vi tính và thiết bị máy vi tính; Vận tải xăng dầu; Mua bán khí đốt hóa lỏng (gas) (không mua bán tại trụ sở), bếp ga, đồ dùng cá nhân và gia đình, bách hóa, mỹ phẩm; Sửa chữa, lắp ráp xe đạp; Mua bán điện thoại di động, cố định; Cho thuê nhà; Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá-bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của các mặt hàng xăng dầu, sắt thép được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền; giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của mặt hàng xe máy được xác định theo phương pháp thực tế đích danh; giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của hàng điện tử được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 09 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

3.14. Công cụ tài chính

3.14.1. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

- Tài sản sẵn sàng để bán: là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

3.14.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013***III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***Đơn vị tính: VND***1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Tiền mặt	215.328.803	337.936.312
Tiền gửi ngân hàng	18.252.840.003	8.472.129.178
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>2.040.627.251</i>	<i>1.427.529.434</i>
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	<i>16.212.212.752</i>	<i>7.044.599.744</i>
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	10.544.836.256	30.815.000.000
Tổng cộng	<u>29.013.005.062</u>	<u>39.625.065.490</u>

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2013 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2013 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
	11.915.166.675	7.355.173.774
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	11.915.166.675	7.355.173.774

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2013 là:

Cty CP. ĐT XD và Máy thiêu Tân Tiến	5.094.736.390
Cty CP Điện lực Sài Gòn Vina	3.724.718.905
Ban Quản Lý DA Khu DC Bình Hòa	866.395.624
Cty CP. Đầu tư chứng khoán BSC	46.956.494
Thuế Thu nhập cá nhân	5.635.519
Hàng cho mượn	61.770.696
Thuế GTGT tạm nộp từ thu trước khách hàng	189.660.825
Các đối tượng khác	1.925.292.222
Tổng cộng	<u>11.915.166.675</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

3. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	52.485.116.277	42.008.219.483
- Công cụ, dụng cụ	322.496.793	316.773.827
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	278.708.956.388	325.260.987.734
Sản phẩm dở dang - Thành phẩm	29.814.361.419	21.155.876.432
Chi phí sản xuất dở dang - Trang trí nội thất	5.956.105.217	2.577.251.360
Chi phí sản xuất dở dang - Bất động sản đầu tư	242.938.489.752	301.527.859.942
<i>Cao Ốc Nguyễn Phúc Nguyên - Quận 3</i>	<i>806.933.725</i>	<i>4.636.982.431</i>
<i>KDC Phú Thuận - Quận 7</i>	<i>446.232.722</i>	<i>385.797.403</i>
<i>Chung cư Ngọc Lan - Quận 7</i>	<i>53.401.514.719</i>	<i>117.619.872.775</i>
<i>Dự án Phú Mỹ - Quận 7</i>	<i>115.140.484.501</i>	<i>104.418.149.309</i>
<i>Dự án Đào Trí - Quận 7</i>	<i>69.373.408.488</i>	<i>69.240.408.488</i>
<i>KDC Tân Thới Hiệp - Quận 12</i>	<i>232.078.742</i>	<i>362.080.623</i>
<i>KDC Bình Trị Đông - Bình Chánh</i>	<i>1.402.975.588</i>	<i>1.024.425.646</i>
<i>Công trình Trường Cán Bộ- TP.HCM</i>	<i>184.108.055</i>	<i>184.108.055</i>
<i>Dự án DL & sinh thái Tuyền Lâm - Đà Lạt</i>	<i>1.950.753.212</i>	<i>3.656.035.212</i>
- Thành phẩm	24.365.627.353	22.734.734.329
- Hàng hoá	907.533.424	651.992.958
- Hàng gửi đi bán	558.090.761	588.779.508
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	8.524.161.908	668.407.891
Tổng cộng	<u>365.871.982.904</u>	<u>392.229.895.727</u>
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.091.709.725)	(2.149.343.060)

4. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	136.590.331
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	2.570.417.853	2.643.024.982
+ Thuế nhập khẩu tạm nộp	2.570.417.853	2.643.024.982
+ Thuế GTGT chờ hoàn	9.956.600.153	-
Tổng cộng	<u>2.570.417.853</u>	<u>2.779.615.313</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013***5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2013</u> <u>VND</u>
- Tạm ứng	905.098.753	1.571.284.275
<i>Tại Văn Phòng Công Ty</i>	<i>252.249.059</i>	<i>361.607.815</i>
<i>Nhà máy SATIMEX</i>	<i>229.483.005</i>	<i>463.379.600</i>
<i>XN. Trang trí nội thất - Savidecor</i>	<i>390.153.373</i>	<i>672.712.860</i>
<i>XN. Sản xuất bao bì - Savipack</i>	<i>33.213.316</i>	<i>73.584.000</i>
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.102.113.457	10.160.847.231
<i>Lãi tiền gửi ký quỹ SGD II</i>	<i>10.102.113.457</i>	<i>10.100.847.231</i>
<i>Các khoản ký quỹ khác</i>		<i>60.000.000</i>
Tổng cộng	<u>11.007.212.210</u>	<u>11.732.131.506</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCD Khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCD hữu hình						
1. Số dư đầu năm	57.542.584.420	62.464.748.171	9.685.899.325	2.577.291.806	911.968.486	133.182.492.208
2. Số tăng trong kỳ	1.840.882.409	15.213.319.731	1.057.262.954	365.230.910	-	18.476.696.004
<i>Bao gồm:</i>	1.840.882.409	15.213.319.731	1.057.262.954	365.230.910	-	18.476.696.004
- Mua trong kỳ						
- Đầu tư XD/CN hoàn thành						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ	4.863.386.951	6.166.715.153	852.567.984	1.265.061.355	167.841.411	13.315.572.854
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	4.381.613.082	201.193.615	378.664.250	1.265.061.355	167.841.411	4.961.470.947
- TSCD chuyển sang CCDC	481.773.869	5.965.521.538	473.903.734	1.677.461.361	744.127.075	8.354.101.907
4. Số dư cuối năm	54.520.079.878	71.511.352.749	9.890.594.295	1.677.461.361	744.127.075	138.343.615.358
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	32.744.924.846	38.225.097.530	6.702.814.096	2.330.047.477	374.812.541	80.377.696.490
2. Khấu hao trong kỳ	3.472.760.590	4.651.827.476	722.778.999	151.901.535	135.549.773	9.134.818.373
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong kỳ	3.472.760.590	4.651.827.476	722.778.999	151.901.535	135.549.773	9.134.818.373
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ	708.523.207	5.304.889.496	797.277.791	1.149.880.259	113.011.675	8.073.582.428
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	406.864.068	152.860.281	378.664.250	1.149.880.259	113.011.675	938.388.599
- TSCD chuyển sang CCDC	301.659.139	5.152.029.215	418.613.541	1.332.068.753	397.350.639	7.135.193.829
4. Số dư cuối kỳ	35.509.162.229	37.572.035.510	6.628.315.304	1.332.068.753	397.350.639	81.438.932.435
III. Giá trị còn lại của TSCD hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	24.797.659.574	24.239.650.641	2.983.085.229	247.244.329	537.155.945	52.804.795.718
2. Tại ngày cuối kỳ	19.010.917.649	33.939.317.239	3.262.278.991	345.392.608	346.776.436	56.904.682.923

Ghi chú: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hư hỏng chờ thanh lý và tài sản không sử dụng

21.470.801.076 đồng
14.558.269.014 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Chi phí XDCB dở dang	-	-
<i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i>		
- Mua sắm tài sản cố định	294.774.742	617.891.200
- Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Tổng cộng	294.774.742	617.891.200

9. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I.Nguyên giá BĐS đầu tư	1.936.218.974	-	-	1.936.218.974
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và quyền sử dụng đất	1.936.218.974	-	-	1.936.218.974
II.Giá trị hao mòn lũy kế	1.144.738.203	58.992.348	-	1.203.730.551
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và quyền sử dụng đất	1.144.738.203	58.992.348	-	1.203.730.551
III.Giá trị còn lại BĐS đầu tư	791.480.771	(58.992.348)	-	732.488.423
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và quyền sử dụng đất	791.480.771	(58.992.348)	-	732.488.423

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
10.1. Đầu tư vào công ty con (*)	-	5.536.000.000
10.2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (**)	13.120.448.561	13.120.448.561
10.3. Đầu tư dài hạn khác	-	-
10.4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(2.163.210.413)	(6.905.086.018)
Tổng cộng	10.957.238.148	11.751.362.543

(*) Chi tiết số dư khoản mục đầu tư vào công ty con:

	Tỷ lệ vốn	31/12/2013 VND	Tỷ lệ vốn	01/01/2013 VND
Công Ty CP Đồ Gỗ Savi			68,40%	5.536.000.000
		-		5.536.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

(**) Chi tiết số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

	Tỷ lệ vốn	31/12/2013 VND	Tỷ lệ vốn	01/01/2013 VND
Công Ty Liên Doanh Champa - Savi	49,00 %	13.120.448.561	49,00 %	13.120.448.561
Tổng cộng		13.120.448.561		13.120.448.561

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	858.642.309	331.554.481
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.753.678.654	1.028.371.008
Chi phí quảng cáo, môi giới cho DA. Ngọc Lan Q7	818.181.818	1.144.086.039
Chi phí thuê đất tại Khu CN Nhị Xuân	16.566.367.162	14.831.499.379
Bảo hiểm rủi ro cháy nổ 167 NPN		4.720.837
Bảng vẽ quảng cáo 234 Trường Sơn; 741 Hậu Giang	5.587.126	73.986.317
Tổng cộng	20.002.457.069	17.414.218.061

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
12.1. Vay ngắn hạn	141.183.053.452	114.746.015.132
- Vay ngân hàng	141.183.053.452	114.746.015.132
Ngân hàng BIDV, chi nhánh TP.HCM	80.306.827.172	30.279.903.366
Ngân hàng Vietcombank, TP.HCM	50.428.105.417	64.486.826.689
Ngân hàng Vietinbank, CN 11 TP.HCM	10.448.120.863	19.979.285.077
- Vay đối tượng khác		
12.2. Nợ dài hạn đến hạn trả		
Tổng cộng	141.183.053.452	114.746.015.132

Tài sản đảm bảo:

1. Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 382/70 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp HCM (Hợp đồng thế chấp tài sản 021008/93890 ngày 27/08/2008) - Hợp Đồng Tín Dụng 00310/2012/0000093 17/01/2012.

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của bên Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu – Savimex tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu – Savimex và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

Hợp đồng tiền gửi số 1399-HDTG/2012 ngày 02/08/2012 số tiền 10 tỷ đồng.

2. Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QĐ553359 do UBND Tp HCM cấp ngày 13/07/2000 tại Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp HCM với diện tích 33.602 m².

3. Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh 11 Tp HCM

Chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn dành cho tổ chức số seri VB 0010126 phát hành ngày 29/09/2013, đáo hạn ngày 29/12/2013 của CTCP HTKT & XNK Savimex với số tiền USD 500.000.00.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
13.1. Thuế phải nộp nhà nước	1.906.550.499	147.787.532
- Thuế GTGT	672.357.262	
- Thuế TTĐB		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế TNDN	1.220.219.657	
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất		
- Tiền thuế đất		
- Các loại thuế khác	13.973.580	147.787.532
+ Thuế thu nhập cá nhân	13.973.580	43.067.300
+ Các loại thuế khác		104.720.232
13.2. Các khoản phải nộp khác		
- Các khoản phí, lệ phí		
- Các khoản phải nộp khác		
Tổng cộng	1.906.550.499	147.787.532

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Chi phí sang nhượng QSDĐ dự án Bình Trị Đông	9.000.000.000	9.000.000.000
- Trích trước chi phí dự án Ngọc Lan, Everich, Satra, khác	779.932.699	905.721.433
- Trích trước chi phí lãi vay	194.544.740	188.483.866

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

- Chi phí độc hại	268.245.761	
- Chi phí sửa chữa, khác	86.744.691	262.744.691
- Chi phí nhập khẩu		
Tổng cộng	10.329.467.891	10.356.949.990

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Tổng Cty TM Sài Gòn - TNHH MTV (Satra)	42.710.804.933	38.541.183.038
- Cty CP BĐS Điện lực Vina	3.305.503.345	21.022.626.394
- Phí bảo trì chung cư Ngọc Lan	2.778.537.286	3.335.619.962
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	248.838.712	1.361.730.257
- Cty CP Đồ gỗ Savi		848.114.653
- Kinh phí công đoàn	327.837.287	351.996.551
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.237.900	88.921.826
- Phí BH cháy nổ chung cư 167 NPN	191.658.310	191.658.310
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.703.644
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
- Cổ tức phải trả	230.412.259	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	953.412.177	1.441.830.635
Tổng cộng	50.764.242.209	67.195.385.270

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
16.1. Vay dài hạn	14.291.143.000	-
- Vay ngân hàng	14.291.143.000	
- Ngân hàng BIDV, chi nhánh TP.HCM	14.291.143.000	
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành		
16.2. Nợ dài hạn	-	-
- Thuê tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
Tổng cộng	14.291.143.000	-

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Doanh thu chưa phân bổ DA Ngọc Lan	6.699.561.403	10.353.319.067
Tổng cộng	6.699.561.403	10.353.319.067

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	109.152.668	71.968.569
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ những năm trước		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	109.152.668	71.968.569
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải đã được ghi nhận từ các năm trước		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

0117
CÔNG T
KIỂM T
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM T
PHÍA N
TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quy định tư phát triển	Quy định phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	99.634.500.000	144.032.786.110	(7.315.281.096)	11.948.321.889	3.030.952.085	7.639.648.398
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	360.264.024	4.162.025.667
- Tang do phát hành thêm cổ phiếu						
- Lợi nhuận tăng trong kỳ					360.264.024	4.162.025.667
- Trích từ lợi nhuận năm trước						
- Tang khác						
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.362.111.450	7.639.648.398
- Trong đó:						
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	463.888.398
. Quỹ Đầu tư phát triển						
. Quỹ Dự phòng tài chính						360.264.024
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi						103.624.374
- Chi trả lao, thưởng HĐQT và BKS						
- Chia cổ tức						
- Giảm khác						
- Số dư cuối kỳ	99.634.500.000	144.032.786.110	(7.315.281.096)	11.948.321.889	2.029.104.659	4.162.025.667

19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước - đại diện bởi TCTy TM Sài Gòn	13.500.000.000	13,53%	13.500.000.000	13,55%
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	86.134.500.000	86,45%	86.134.500.000	86,45%
Thặng dư vốn cổ phần	144.032.786.110		144.032.786.110	
Cổ phiếu ngân quỹ(*)	(7.315.281.096)		(7.315.281.096)	
Tổng cộng	236.352.005.014	100%	236.352.005.014	100%

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm
- Số lượng cổ phiếu quỹ 395.770 CP



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.634.500.000	99.634.500.000
+ Vốn góp đầu năm	99.634.500.000	99.634.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	99.634.500.000	99.634.500.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	7.073.701.141	6.685.784.600

19.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

19.5. Cổ phiếu

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.963.450	9.963.450
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.963.450	9.963.450
+ Cổ phiếu thường	9.963.450	9.963.450
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	395.770	395.770
+ Cổ phiếu thường	395.770	395.770
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.567.680	9.567.680
+ Cổ phiếu thường	9.567.680	9.567.680
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

19.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	11.948.321.889	11.948.321.889
- Quỹ dự phòng tài chính	2.029.104.659	3.030.952.085
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(246.747.542)	258.421.834
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	27.437.898.919	27.437.898.919

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

19.6.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

19.6.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.

b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

19.6.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

d) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

e) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.

f) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

g) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

0501
CÔNG
SÁCH
CH VỤ
CHÍNH
À KIỂM
PHÍA
TP.1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

20. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
20.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	551.467.190.495	634.265.810.962
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	458.856.854.453	467.103.518.174
Doanh thu bán bất động sản	58.150.614.098	126.493.873.000
Doanh thu bất động sản đầu tư	7.061.423.844	21.536.235.916
Doanh thu bán hàng, trang trí nội thất	20.153.805.769	13.307.140.312
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.244.492.331	5.825.043.560
- Các khoản giảm trừ doanh thu	174.406.389	86.273.431.874
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán	108.399.378	124.365.244
+ Hàng bán bị trả lại	66.007.011	86.149.066.630
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
+ Thuế TTĐB		
+ Thuế xuất khẩu		
- Doanh thu thuần	551.292.784.106	547.992.379.088
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	458.746.774.731	380.830.086.300
Doanh thu bán bất động sản	58.150.614.098	126.493.873.000
Doanh thu bất động sản đầu tư	6.997.097.177	21.536.235.916
Doanh thu bán hàng, trang trí nội thất	20.153.805.769	13.307.140.312
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.244.492.331	5.825.043.560
20.2. Doanh thu hoạt động tài chính	4.256.145.851	4.437.252.774
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ký quỹ	1.572.816.009	3.001.025.445
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.683.329.842	1.436.227.329
20.3. Thu nhập khác	2.489.853.068	3.507.762.752
- Thanh lý tài sản cố định	158.181.818	1.146.454.545
- Hoàn nhập từ Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		93.124.657
- Kết chuyển công nợ lâu năm	644.315.536	1.943.996.703
- Thu phạt do vi phạm hợp đồng căn hộ Ngọc Lan	75.514.933	
- Khách hàng đền bù tiền nguyên liệu	83.195.981	
- Thu nhập khác	1.528.644.800	324.186.847

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	410.152.122.249	417.872.572.818
Giá vốn bán bất động sản	57.977.041.240	45.245.468.920
Giá vốn bán hàng, trang trí nội thất	14.128.613.475	11.393.987.414
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	5.994.639.286	1.229.747.196
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.988.858.251	3.925.607.042
Tổng cộng	493.241.274.501	479.667.383.390

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013*

Đơn vị tính: VND

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2013</i>	<i>Năm 2012</i>
- Chi phí chênh lệch tỷ giá	1.741.412.846	2.237.440.238
- Chi phí trả lãi vay	1.921.079.617	2.114.924.657
- Phí bảo lãnh But	534.104.117	. 235.090.687
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(53.990.258)	17.234.898
- Chi phí tài chính khác	155.303.886	1.092.111.276
Tổng cộng	4.297.910.208	5.696.801.756

23. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm 2013</i>	<i>Năm 2012</i>
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	48.333.334	1.400.893.110
- Phạt vi phạm hành chính thuế	11.100.000	245.000.000
- Kết chuyển công nợ lâu năm, thừa thiếu thanh toán	601	
- Chi phí khác	490.909.091	120.654.657
Tổng cộng	550.343.026	1.766.547.767

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm 2013</i>	<i>Năm 2012</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.704.109.736	2.759.212.322
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Tổng cộng	1.704.109.736	2.759.212.322

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	<i>Năm 2013</i>	<i>Năm 2012</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.828.951.304	9.892.524.224
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	987.487.639	720.586.091
+ Các khoản điều chỉnh tăng	987.487.639	720.586.091
+ Các khoản điều chỉnh tăng (Chi phí không được ngoại trừ kh.	838.751.242	
+ Các khoản điều chỉnh tăng (Lỗ CLTG đánh giá cuối kỳ tiền, p.	148.736.397	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	
- Tổng thu nhập chịu thuế	6.816.438.943	10.613.110.315
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (25%)	1.704.109.736	2.653.277.579
- Điều chỉnh CP thuế TNDN của các năm trước	-	-
- Thuế TNDN còn phải nộp	1.704.109.736	2.653.277.579

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm	(37.184.099)	
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)		
Tổng cộng	(37.184.099)	-

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	349.360.125.696	353.592.507.441
2. Chi phí nhân công	117.038.147.098	113.718.645.205
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	9.414.603.421	9.491.991.878
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.213.678.484	52.223.155.532
5. Chi phí khác bằng tiền	6.866.159.619	6.548.743.221
6. Chi phí dự phòng	3.468.864.169	3.006.477.590
Tổng cộng	547.361.578.487	538.581.520.867

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.162.025.667	7.205.280.471
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	4.162.025.667	7.205.280.471
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.567.680	9.567.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	435	753

50117
CÔNG T
HÀNH
VỤ T
ỨNH K
KIỂM T
HÀ NA
TP. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

IV NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trong năm thứ nhất	1.592.379.056	1.636.206.003
Trong năm thứ 2	1.548.552.110	1.592.379.056
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.504.725.163	3.053.277.273
Cộng	4.645.656.329	6.281.862.332

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê và lãi trả chậm 3%/năm đối với 26,101m² tại cụm Công Nghiệp Nhì Xuân với giá thuê đất tạm tính 13,000 đồng/m²/năm nhân với hệ số vị trí đất từng lô. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 12 tháng 06 năm 2007.

2. Cam kết không hủy ngang

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số: 056/HĐ-EVNLSG-DT ngày 27 tháng 11 năm 2008 giữa Công ty Cổ Phần Động Sản Điện Lực Sài Gòn Vina và Công ty Cổ Phần Hợp Tác Kinh Tế & Xuất Nhập Khẩu Savimex về hợp tác đầu tư dự án chung cư Ngọc Lan tại phường Phú Thuận, Quận 7, Tp HCM. Công ty cam kết góp vốn chủ đầu tư tham gia vào dự án. Hai bên sẽ tiến hành chia sản phẩm từ dự án bao gồm các căn hộ và diện tích kinh doanh thương mại theo tỷ lệ góp vốn mỗi bên 50%.

3. Công cụ tài chính

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa cơ cấu vốn nguồn vốn (duy trì tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn và tỷ lệ vốn chủ sở hữu phù hợp).

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (các khoản vay và nợ, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản vay	155.474.196.452	114.746.015.132
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(29.013.005.062)	(39.625.065.490)
Nợ thuần	126.461.191.390	75.120.949.642
Vốn Chủ sở hữu	281.929.356.148	286.408.826.305
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	44,86%	26,23%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013*

Đơn vị tính: VND

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.544.836.256	39.625.065.490
Phải thu khách hàng	89.337.986.686	99.885.319.939
Phải thu khác	11.915.166.675	7.355.173.774
Ký quỹ ký cược	11.007.212.210	11.732.131.506
Đầu tư tài chính dài hạn	10.957.238.148	11.751.362.543
Tổng cộng	133.762.439.975	170.349.053.252
Công nợ tài chính		
Vay và nợ	141.660.176.452	115.373.053.632
Phải trả người bán	77.756.183.942	143.038.759.116
Phải trả khác	50.764.242.208	67.195.385.270
Chi phí phải trả	10.329.467.891	10.356.949.990
Tổng cộng	280.510.070.493	335.964.148.008

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (Rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản VND	Công nợ VND
Tiền gửi có gốc ngoại tệ	16.212.212.752	
Tiền gửi có kỳ hạn có gốc ngoại tệ	10.544.836.256	
Công nợ phải thu, phải trả khách hàng có gốc ngoại tệ	70.088.803.019	(36.551.491.229)
Cộng	96.845.852.027	(36.551.491.229)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Phân tích độ nhạy

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng dolla Mỹ.

Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ so với đồng Việt Nam tăng 10% thì tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ của Công ty sẽ tăng tương ứng như sau:

Tiền gửi ngoại tệ sau khi cần trừ	60.294.360.798
Tỷ giá tăng	10,00%
Thay đổi Lợi nhuận trước thuế	6.029.436.080

Quản lý rủi ro lãi

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay. Rủi ro này được Công ty duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi từ các nguồn vay thích hợp.

Ban Tổng Giám đốc sử dụng các khoản tín dụng cấp bởi khách hàng thông qua việc ứng trước tiền hàng với lãi suất thấp để hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn vay dài hạn của Ngân hàng.

Quản lý rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp nước ngoài (nhập khẩu).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Cty. Cty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi để đánh giá Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng hầu hết số dư nợ phải thu của khách hàng có nợ xấu và được trình bày tại thuyết minh số V.3



4. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm 2013, Công ty Savimex có thực hiện các giao dịch sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng Cty TM Sài Gòn - TNHH MTV (Satra)	Tổng Cty	Mua lại các căn hộ	59.430.880.000	30.000.000.000
Cty CP Đồ Gỗ Savi	Cty con	Phải trả cho Cty Đồ Gỗ Savi thể hiện các khoản nhận bàn giao từ Cty con khi Cty này tiến hành các thủ tục giải thể, chờ xử lý		848.114.653

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013**Đơn vị tính: VND***5. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	<i>Năm 2013</i>	<i>Năm 2012</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lương	720.000.000	993.527.273
Tiền thưởng	186.000.000	- 183.400.000
Cộng	906.000.000	1.176.927.273

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động chủ yếu như

Bộ phận sản xuất: Sản xuất đồ gỗ; bao bì tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; trang trí nội thất,

Bộ phận kinh doanh bất động sản: Xây dựng và kinh doanh căn hộ; mua bán bất động sản,

Cung cấp các dịch vụ khác bao gồm: Cho thuê văn phòng, nhà cửa và đất đai; Dịch vụ quản lý cao ốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Các *Thuyết minh* này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

	Sản xuất gỗ	Kinh doanh Bất động sản	Cung cấp dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	229.181.115.895	736.632.108.181	34.333.038.436	(346.198.240.776)	653.948.021.736
Tổng tài sản hợp nhất	229.181.115.895	736.632.108.181	34.333.038.436	(346.198.240.776)	653.948.021.736
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	213.506.681.750	469.955.417.669	34.754.806.945	(346.198.240.776)	372.018.665.588
Tổng nợ phải trả hợp nhất	213.506.681.750	469.955.417.669	34.754.806.945	(346.198.240.776)	372.018.665.588
	Sản xuất gỗ	Kinh doanh Bất động sản	Cung cấp dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	201.294.407.196	792.087.974.194	18.654.090.068	(329.786.786.603)	682.249.684.855
Tổng tài sản hợp nhất	201.294.407.196	792.087.974.194	18.654.090.068	(329.786.786.603)	682.249.684.855
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	187.337.236.125	516.627.892.582	21.662.516.446	(329.786.786.603)	395.840.858.550
Tổng nợ phải trả hợp nhất	187.337.236.125	516.627.892.582	21.662.516.446	(329.786.786.603)	395.840.858.550

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Các Thuế minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất gỗ		Kinh doanh Bất động sản		Cung cấp dịch vụ khác		Tổng cộng	
	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	
Doanh thu								
Doanh thu từ bán hàng ra ngoài	508.214.210.266	58.150.614.098	15.700.085.632	582.064.909.996				
Doanh thu cho các bộ phận	(29.203.550.044)		(1.394.169.457)	(30.597.719.501)				
Tổng doanh thu	479.010.660.222	58.150.614.098	14.305.916.175	551.467.190.492				
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Các khoản giảm trừ	110.079.722	64.326.667	-	174.406.389				
Doanh thu thuần	478.900.580.500	58.086.287.431	14.305.916.175	551.292.784.106				
Tổng chi phí:	466.439.020.126	60.947.750.396	19.974.807.965	547.361.578.487				
Giá vốn đã loại giao dịch nội bộ	424.280.735.724	57.977.041.240	10.983.497.537	493.241.274.501				
- Giá vốn	453.484.285.768	57.977.041.240	10.983.497.537	522.444.824.545				
- Giá vốn đã loại trừ của bộ phận	(29.203.550.044)			(29.203.550.044)				
Chi phí bán hàng không phân bổ	11.492.023.579	1.272.676.700	-	12.764.700.279				
Chi phí quản lý không phân bổ	30.666.260.823	1.698.032.456	8.991.310.428	41.355.603.707				
- Chi phí quản lý	30.666.260.823	1.698.032.456	10.385.479.885	42.749.773.164				
- Chi phí quản lý loại trừ bộ phận			(1.394.169.457)	(1.394.169.457)				
Doanh thu từ các khoản đầu tư (tài chính)	2.157.054.607	-	-	2.157.054.607				
Chi phí tài chính	3.384.997.469	133.647.530	2.099.091.244	4.256.145.851				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.233.617.512	(2.995.110.495)	(4.403.056.013)	3.835.451.004				
Phần lợi nhuận trong các Công ty liên doanh	53.990.258			53.990.258				
Lãi / Lỗ khác	700.075.432	(291.414.117)	1.530.848.727	1.939.510.042				
Lợi nhuận trước thuế	11.987.683.202	(3.286.524.612)	(2.872.207.286)	5.828.951.304				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.062.558.677	(640.397.120)	(718.051.822)	1.704.109.736				
Thu nhập thuế thu nhập DN hoàn lại				(37.184.099)				
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	8.925.124.525	(2.646.127.492)	(2.116.971.366)	4.162.025.667				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2013 kết thúc tại 31/12/2013

b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý - Báo cáo bộ phận thứ yếu

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Công ty không phân tích báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế kiểm toán.

Người lập biểu



Võ Vinh Đạt

Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Sơn

Lập ngày 28 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Bùi Ngọc Quới



XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP



TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI NGỌC QUỠI